

BÁO CÁO
Kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2023

Căn cứ vào Thông tư số 188/2014/TT-BTC ngày 10/12/2014 của Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn một số điều của Nghị định số 84/2014/NĐ-CP ngày 08/9/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; Sở Văn hóa và Thể thao báo cáo kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2023 như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH, TỔ CHỨC THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ

1. Công tác tuyên truyền, phổ biến, quán triệt chủ trương của Đảng, quy định của pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí (THTK, CLP):

- Lãnh đạo Sở phối hợp với các Cấp ủy Đảng triển khai quán triệt đến toàn thể CB CC Luật phòng chống tham nhũng; Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và các văn bản như Nghị định số 84/2014/NĐ-CP ngày 08/9/2014 của Chính phủ; Quyết định số 129/QĐ-UBND ngày 31/01/2023 của UBND Tỉnh về việc ban hành Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu năm 2023, gắn với phong trào thi đua “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”, từ đó nâng cao nhận thức của CB-CC về thực hiện các kế hoạch phòng chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm chống lãng phí.

- Giao trách nhiệm cho lãnh đạo các phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc chỉ đạo CBCC, VC người lao động thực hiện và sử dụng có hiệu quả, đúng mục đích về tài sản công, trang thiết bị làm việc, xác định thực hành tiết kiệm, chống lãng phí là nhiệm vụ trọng tâm và thường xuyên trong việc thực hiện nhiệm vụ chính trị, chuyên môn của các phòng, đơn vị trực thuộc Sở; Xây dựng nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội theo hướng lành mạnh, tiết kiệm, chống xa hoa, lãng phí, bài trừ hủ tục, mê tín dị đoan; củng cố đội ngũ CBCC,VC có phẩm chất đạo đức tốt, có năng lực, trình độ chuyên môn đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ. Chỉ đạo gắn việc thực hiện tiết kiệm với công tác và nhiệm vụ quản lý của Ngành, từ đó có biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn và đẩy lùi tình trạng tham nhũng, lãng phí, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý.

2. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng và tổ chức thực hiện Chương trình THTK, CLP và việc THTK, CLP:

- Ngày 03/03/2023, Sở Văn hóa và Thể thao ban hành Kế hoạch số 41/KH-SVHTT về Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của Ngành Văn hóa và Thể thao năm 2023.

- Văn phòng Sở Văn hóa và Thể thao và các đơn vị Sự nghiệp đều ban hành Quyết định về Quy chế chi tiêu nội bộ.

- Triển khai và thực hiện các chương trình hành động, quy định, kế hoạch, quy hoạch phát triển của đơn vị. Công khai, minh bạch trong phân bổ dự toán, quyết

toán ngân sách nhà nước, các hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm, quản lý, sử dụng tài sản.

- Thông báo công khai và dân chủ, bàn bạc, thảo luận, góp ý các vấn đề liên quan đến quyền lợi của CBCC và công tác của cơ quan trong Hội nghị CBCCVC hàng năm; Tổ chức nhiều cuộc họp nhằm đưa ra các biện pháp, giải pháp thực hiện tiết kiệm chi phí hành chính, văn phòng phẩm, các chế độ chi tiêu trong sinh hoạt, tiếp khách, công tác hội họp...

- Thường xuyên rà soát định mức, tiêu chuẩn, chế độ làm cơ sở sửa đổi bổ sung quy chế chi tiêu nội bộ gắn với việc tiết kiệm chống lãng phí trong sử dụng tài sản công, sử dụng kinh phí hiệu quả, tiết kiệm; vừa đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ, vừa tạo nguồn kinh phí tăng thu nhập cho CBCC;

- Tăng cường các giải pháp phòng ngừa, giám sát, kiểm tra, thanh tra phòng, chống tham nhũng. Chỉ đạo Thanh tra sở phối hợp với lãnh đạo các phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc khẩn trương làm rõ các vụ việc có dấu hiệu tiêu cực, tham nhũng và xử lý nghiêm hành vi vi phạm.

- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả quy trình, thủ tục giải quyết công việc giữa cơ quan và đơn vị với tổ chức, cá nhân. Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc tiếp tục cụ thể hóa Quy chế dân chủ cơ sở thông qua việc xây dựng quy định như: Tuyển dụng VC; Khen thưởng, kỷ luật; quy chế chi tiêu nội bộ... một cách hợp lý và hiệu quả. Qua đó, phát huy quyền làm chủ của công chức, viên chức trong việc giám sát, kiểm tra quá trình chấp hành Quy chế dân chủ cơ sở của cơ quan, đơn vị.

- Thực hiện công khai các hoạt động của cơ quan như: quy hoạch CBCC, VC, công tác xét thi đua, khen thưởng, kỷ luật; kế hoạch tài chính, tăng thu nhập; công tác đào tạo cán bộ, thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở thông qua mạng thông tin nội bộ hoặc website của cơ quan. Công bố đầy đủ, kịp thời các quy trình, quy định về thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền tạo thuận lợi cho các cá nhân, tổ chức liên hệ công tác.

- Thực hiện các chế độ báo cáo định kỳ theo quy định, hoặc đột xuất theo yêu cầu của cấp trên về công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, kê khai tài sản, thu nhập của cán bộ công chức thuộc diện phải kê khai, nộp lại quà tặng theo quy định.

3. Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, kiểm toán về THTK, CLP:

- Thành lập Ban Thanh tra nhân dân với vai trò tổ chức giám sát việc thực hiện quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế quản lý và sử dụng tài sản công, quy chế thi đua khen thưởng CBCC... Phối hợp với Ban Chấp hành Công đoàn, các phòng chức năng xây dựng, đề xuất, các quy định, biện pháp thực hành tiết kiệm như: Cắt giảm gọi đường dài với một số máy không cần thiết, nghiêm cấm các trường hợp sử dụng điện thoại công cho cá nhân; Sử dụng xe công một cách hợp lý, đối với CBCC đi công tác một mình sử dụng xe cá nhân theo hình thức khoán nhiên liệu hoặc phương tiện công cộng; Kiểm tra và quy định thời gian tắt, mở các thiết bị có sử dụng điện khi rời khỏi cơ quan, nếu vi phạm bị nhắc nhở và có những biện pháp kỷ luật cụ thể như: không được xét thu nhập tăng thêm hàng quý, năm, không xét thi đua khen thưởng,.... Lập hội đồng chọn giá đối với các đơn vị cung cấp văn phòng phẩm, vật tư văn phòng, mua sắm, sửa chữa tài sản ... Giám sát việc thực

hiện các chính sách, chế độ đối với công chức, viên chức, thăm hỏi cán bộ hưu trí, trợ cấp khó khăn, ốm đau, ma chay...

- Thường xuyên tổ chức các đoàn kiểm tra hoạt động tại các đơn vị trực thuộc, chấn chỉnh kịp thời các trường hợp vi phạm.

- Triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2023.

II. TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ THTK, CLP

1. Kết quả THTK, CLP cụ thể trong các lĩnh vực:

a) THTK, CLP trong việc ban hành, thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ:

- Quy định rõ trong Quy chế chi tiêu nội bộ định mức sử dụng văn phòng phẩm, ô tô, định mức xăng xe, điện thoại bàn, điện nước trong cơ quan, chế độ công tác phí, hội nghị, hội họp, tiếp khách ... đảm bảo hiệu quả có tiết kiệm, tạo nguồn thu nhập tăng thêm cho CBCC, VC, NLĐ.

- Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành văn bản, hoạt động thông qua hệ thống văn phòng điện tử iDesk tích hợp chữ ký số nhằm tiết kiệm chi phí văn phòng phẩm. Việc thực hiện các quy định về chi tiêu, chi trả lương qua hệ thống ngân hàng, hạn chế thấp nhất việc trực tiếp chi tiêu bằng tiền mặt.

- Trong công tác mua sắm trang thiết bị phục vụ công tác, đầu tư cơ bản, đầu tư xây dựng đều được thực hiện nghiêm, đúng thủ tục, công khai, được thông báo trên các phương tiện báo, đài; thực hiện trình tự thủ tục đấu thầu đúng quy định.

- Tăng cường quản lý CBCC, VC và NLĐ thực hiện chăm công đối với từng cán bộ CBCC, người lao động, đảm bảo công bằng, hợp lý trong chi trả thu nhập.

- Thường xuyên theo dõi, xây dựng các kế hoạch, chương trình thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh và Bộ VHTTDL; Chủ động kiểm tra sử dụng kinh phí thường xuyên (kinh phí tự chủ tài chính) các đơn vị sự nghiệp.

- Các khoản chi phục vụ hoạt động của cơ quan đều có căn cứ, định mức tiêu chuẩn và đúng chế độ. Quy chế chi tiêu nội bộ của cơ quan xây dựng thấp hơn định mức cho phép, đảm bảo vừa hoàn thành nhiệm vụ được giao vừa tạo nguồn thu nhập cho CBCC, VC, NLĐ từ kinh phí giao khoán.

- Thực hiện có hiệu quả việc quản lý sử dụng kinh phí ngân sách Nhà nước, tài chính công và thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính, năm 2023 đã tiết kiệm: 9.390.000.000 đồng, cụ thể:

- + Văn phòng Sở Văn hóa và Thể thao: 2.357.000.000 đồng;

- + Thư viện tỉnh: 1.883.000.000 đồng;

- + Bảo tàng tỉnh: 988.000.000 đồng;

- + Nhà hát tỉnh: 1.000.000.000 đồng;

- + Trung tâm Bảo tồn DTQG Côn Đảo: 1.200.000.000 đồng;

- + Trung tâm HL&TĐ TDTT: 696.000.000 đồng;

- + Trung tâm Văn hóa: 1.266.000.000 đồng.

- Thực hiện tốt công tác quản lý thu, chi các khoản phí cấp giấy phép thuộc lĩnh vực Ngành: Niêm yết công khai các khoản phí; Quản lý và quyết toán thu, chi đầy đủ và đúng theo qui định; Lập báo cáo phí, lệ phí hàng tháng cho Cục Thuế tỉnh và nộp ngân sách theo tỷ lệ qui định.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong việc thực hiện nhiệm vụ.

* Kinh phí duy trì hệ thống quản lý chất lượng tiêu chuẩn TCVN 9001:2015 (ISO hành chính công), dự toán 15.000.000 đồng, thực hiện 15.000.000 đồng, đạt 100% dự toán được giao.

* Tổng dự toán sự nghiệp khoa học và công nghệ năm 2023 được giao năm 2023 là 13.743 triệu đồng, số đã thực hiện 12.065 triệu đồng, đạt 88%. (Trong đó, Xây dựng phần mềm quản lý dữ liệu phát triển văn hóa đọc: 2 tỷ, thực hiện: 1,9 tỷ - Tiết kiệm qua công tác đấu thầu: 100triệu; Chuyển đổi số trong Bảo tàng: 11,7tỷ, thực hiện: 10,121tỷ - giảm từ khâu thẩm định dự toán).

- Công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng kiến thức được quan tâm kịp thời, bảo đảm đúng đối tượng theo quy định. Các chế độ đào tạo thực hiện theo tiêu chuẩn định mức của nhà nước ban hành.

b) THPT, CLP trong lập, thẩm định, phê duyệt dự toán, quyết toán, quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước (NSNN); trong đó tập trung vào các nội dung sau:

*** Lĩnh vực văn hóa và di sản văn hóa:**

- Lễ hội Dinh Cô, Lễ hội Nghinh ông được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công nhận di sản văn hóa phi vật thể quốc gia; thực hiện tổng kiểm kê di sản văn hóa phi vật thể trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu năm 2023;

- Triển khai thực hiện Dự án “Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch” giai đoạn 2021 - 2030 trên địa bàn tỉnh năm 2023.

- Thực hiện nhiệm vụ bảo tồn và phát huy giá trị nghệ thuật Đờn ca tài tử Nam Bộ trên địa bàn tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu năm 2023

- Thực hiện tổng kiểm kê di sản văn hóa phi vật thể trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu năm 2023.

- Tổ chức các chương trình giáo dục di sản văn hóa tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu năm 2023. Tổ chức thành công các hoạt động kỷ niệm Ngày Di sản Việt Nam 23/11/2023 với đẩy mạnh các hoạt động truyền thông; tổ chức Hội thi thuyết minh viên giỏi cấp tỉnh.

- Thực hiện nhiệm vụ bảo tồn và phát huy giá trị nghệ thuật Đờn ca tài tử Nam Bộ trên địa bàn tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu năm 2023;

- Tiếp tục triển khai Quyết định số 5022/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt kế hoạch triển khai Chương trình Bảo tồn và phát huy bền vững giá trị di sản văn hóa trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu trong năm 2023;

- Tham mưu trình UBND tỉnh phê duyệt phương án bảo vệ, khai quật, trục vớt khẩn cấp tài sản chìm đắm tại vùng biển tọa độ X4;

- Hoàn thành Báo cáo khảo sát, đánh giá lại những di tích đang gặp khó khăn, vướng mắc trên địa bàn tỉnh, đề xuất phương án tu bổ, tôn tạo di tích theo quy định trình UBND tỉnh xem xét, phê duyệt.

- Hoàn thành công tác khai quật khảo cổ di tích Vòng Thành Đá Trắng (ấp Gò Cát, xã Phước Thuận, huyện Xuyên Mộc) sai 04 giai đoạn thực hiện. Vào ngày 11/9/2023, Sở Văn hóa và Thể thao tổ chức hội thảo khoa học về di chỉ khảo cổ Vòng Thành Đá Trắng thuộc ấp Gò Cát, xã Phước Thuận với sự tham gia của đại diện Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Trung tâm khảo cổ học, Viện Khoa học Xã hội vùng Nam Bộ và nhiều nhà quản lý, chuyên gia khảo cổ đã khẳng định di chỉ đáp ứng tiêu chí để lập hồ sơ công nhận di tích;

- Bảo tàng tỉnh: Tổng số lượng khách tham quan năm 2023: ước đạt 353.600 lượt khách, cụ thể:

+ Nhà Bảo tàng tỉnh: 110.949 lượt mua vé (miễn phí 43.207 lượt).

+ Di tích Bạch Dinh: 179.962 lượt mua vé (miễn phí 6.623 lượt).

+ Di tích trận địa pháo núi Lớn và hầm thủy lôi: 12.859 lượt (không thu phí).

+ Tổng số khách miễn phí: 62.689 lượt miễn thu phí.

+ Khách người nước ngoài ước: 8.000 lượt.

- Trung tâm bảo tồn di tích quốc gia Côn Đảo: Thực hiện tốt công tác đón tiếp và phục vụ hướng dẫn khách tham quan: Tổng số 239.179 lượt khách (Trong đó khách Việt Nam: 235.988 lượt. Khách ngoại quốc: 3.191 lượt).

+ Tổng số lượt khách đến thăm viếng tại Nghĩa trang Hàng Dương: 859.391 lượt (Trong đó khách trong nước: 858.152 lượt. Khách ngoại quốc: 1.239 lượt).

+ Tổng số lượt khách đến thăm viếng tại di tích Nghĩa trang Hàng Keo: 70.870 lượt.

+ Thực hiện in bạt Hifilex 2.575 m² pano (gồm 255 tấm); 2.699 m banner phướn (gồm 1.170 tấm); 90 m băng rôn và may mới 1.304 lá cờ phướn nhiều màu, cờ chuỗi, cờ tổ quốc; 640m cờ dây treo; 18m hộp đèn; trang trí 01 cổng chào; và các cụm tiểu cảnh,...phục vụ tuyên truyền, cổ động trực quan 16 sự kiện và ngày lễ lớn của đất nước, của tỉnh; các hội thi, hội diễn và các hoạt động phối hợp khác. Tiêu biểu gồm: Ngày văn hoá Belarus tại tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; Liên hoan Cán bộ thư viện toàn quốc tuyên truyền phát triển văn hóa đọc và giới thiệu sách về chủ quyền biển đảo Việt Nam; Triển lãm Mỹ thuật khu vực VII (Đông Nam Bộ) lần thứ 28 năm 2023; Kỷ niệm 50 năm thiết lập quan hệ ngoại giao Việt Nam – Australia (26/2/1973 – 26/2/2023); Kỷ niệm 50 năm thiết lập quan hệ ngoại giao Việt Nam – Nhật Bản; Liên hoan toàn quốc Di sản Văn hóa phi vật thể được UNESCO ghi danh và Kỷ niệm 20 năm thực hiện Công ước 2003 của UNESCO; Hội thi tuyên truyền lưu động toàn quốc “Biển và hải đảo Việt Nam” năm 2023; Thông tin đối ngoại biển, đảo; Hội thi hòa giải viên giỏi; Hội diễn Tiếng hát công nhân và người lao động; Hội diễn Tiếng hát người cao tuổi tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu và các hoạt động phối hợp khác.

+ Tổ chức chương trình nghệ thuật Kỷ niệm 76 năm ngày Thương binh liệt sỹ (27/7/1947 – 27/7/2023) chủ đề ‘Khúc hát tri ân’ gồm 14 tiết mục, 50 diễn viên, cộng tác viên tham gia; thu hút 600 lượt người xem.

Hướng dẫn, tổ chức thực hiện và kiểm tra việc xây dựng, thực hiện hương ước, quy ước:

+ Trên cơ sở Quyết định 41/QĐ- BVHTTDL ngày 10 tháng 01 năm 2023 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Văn hóa và Thể thao đã xây dựng kế hoạch số 06/KH-SVHTT ngày 19/01/2023 về công tác quản lý xây dựng, thực hiện quy ước trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu năm 2023. Tổ chức sơ kết Phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" năm 2022.

+ Tiếp tục triển khai thực hiện Quyết định 22/2018/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định 3672/QĐ-UBND ngày 05/11/2021 của UBND tỉnh về ban hành định hướng nội dung quy ước thôn, ấp, khu phố trên địa bàn tỉnh

+ Để kịp thời triển khai Nghị định 61/NĐ-CP ngày 16 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ về xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước của cộng đồng dân cư, Sở Văn hóa và Thể thao đã ban hành công văn số 2841/SVHTT-XDNSVHGD ngày 09/10/2023 triển khai thực hiện hương ước, quy ước của cộng đồng dân cư trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

+ Để các quy ước trong cộng đồng dân cư đảm bảo đúng và không trái các quy định của pháp luật, Sở Văn hóa và Thể thao đã Tổ chức Hội nghị tập huấn triển khai thực hiện Nghị định 61/2023/NĐ-CP ngày 16/8/2023 của Chính phủ về xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước của cộng đồng dân cư cho 1,150 cán bộ cơ sở 07 huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu năm 2023 (trừ huyện Côn Đảo) nhằm góp phần thực hiện hiệu quả Nghị định số 61/2023/NĐ-CP ngày 16/8/2023 của Chính phủ trên địa bàn tỉnh.

+ Công tác quản lý và thực hiện Quy ước trên địa bàn tỉnh được theo dõi, kiểm tra và thực hiện lồng ghép trong hoạt động của Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”. Do vậy, để kiểm tra hoạt động và công tác xây dựng, ban hành, thực hiện của các địa phương đối với nội dung liên quan đến Quy ước, Sở Văn hóa và Thể thao đã ban hành Kế hoạch số 168/KH-SVHTT ngày 5/12/2023 về việc Kiểm tra hoạt động Ban Chỉ đạo Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” và Công tác gia đình các huyện, thị xã, thành phố năm 2023.

+ Tổ chức lớp tập huấn cho 160 cán bộ làm công tác Phong trào TĐĐKXDĐSVH của huyện và tại 9 khu dân cư, cán bộ công đoàn cấp trên cơ sở và công đoàn cơ sở trên địa bàn huyện Côn Đảo.

+ Tổ chức khen thưởng cho các tập thể và cá nhân có thành tích xuất sắc về Phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" năm 2022. Đã có 3 tập thể, 6 cá nhân được UBND tỉnh tặng bằng khen, 10 tập thể, 20 cá nhân được Giám đốc sở Văn hóa và Thể thao tặng giấy khen đã có thành tích xuất sắc, tiêu biểu trong triển khai thực hiện Phong trào TĐĐKXDĐSVH.

Về quảng cáo:

+ Tham mưu giải quyết 221 hồ sơ về chấp thuận quảng cáo cho các doanh nghiệp.

+ Tăng cường chấn chỉnh hoạt động quảng cáo, tổ chức khảo sát vị trí lắp đặt pano tuyên truyền nhiệm vụ chính trị trên địa bàn tỉnh.

Về văn hóa dân tộc:

- Triển khai Hướng dẫn thực hiện Dự án “Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch” giai đoạn 2021 – 2030 trên địa bàn tỉnh năm 2023. Tham gia Hội đồng tư vấn đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện đề tài “Nghiên cứu, phục dựng và phát triển nghệ thuật diễn xướng dân gian Chơ ro tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Cho ý kiến thẩm định lại đối với Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư Dự án Nhà văn hóa truyền thống dân tộc Châu Ro. Báo cáo nhanh đánh giá giữa kỳ Chương trình MTQG phát triển KTXH vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

- Thực hiện các nội dung báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch số 22/KH-UBND ngày 28/01/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về thực hiện Kết luận của Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính tại buổi làm việc với Ban Thường vụ Tỉnh ủy (kỳ báo cáo tháng 7 năm 2023).

- Triển khai kế hoạch thực hiện Quyết định số 515/QĐ-TTG ngày 15/5/2023 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt chương trình tổng thể về phát triển văn hóa việt nam giai đoạn 2023 – 2025.

- Triển khai thực hiện các nhiệm vụ thực Kế hoạch số 01/KH-BCĐ ngày 15/6/2023 của Ban Chỉ đạo Tổ chức các hoạt động kỷ niệm 76 năm ngày Thương binh - Liệt sỹ (27/7/1947-27/7/2023) tại huyện Côn Đảo và công tác phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về tổ chức Chương trình nghệ về trình nghệ thuật đặc biệt kỷ niệm 76 năm Ngày Thương binh - Liệt sỹ (27/7/1947-27/7/2023).

Thư viện:

- Trong năm 2023, Thư viện tỉnh phục vụ 585.591 lượt bạn đọc/ 3.308.999 lượt tài liệu với nhiều hình thức: đọc tại chỗ, mượn - trả tài liệu; tra cứu tài liệu trực tuyến; trưng bày, giới thiệu sách; cung cấp các sản phẩm thư mục; cung cấp thông tin theo yêu cầu; thẻ thư viện;... Trong đó:

- + Lượt bạn đọc tại chỗ: 13.063 lượt bạn đọc/103.348 lượt tài liệu.
- + Lượt bạn đọc truy cập website: 498.682 lượt/ 2.467.329 lượt tài liệu;
- + Lượt bạn đọc truy cập thư viện số: 73.846 lượt bạn đọc/ 603.980 lượt tài liệu;
- + Lượt bạn đọc sách điện tử: 134.342 lượt.

- Phối hợp với các trường học trên địa bàn tỉnh BR-VT tổ chức chương trình Hội Sách và Lưu động thuộc Đề án Phát triển Văn hóa đọc năm 2023. Tổ chức hướng dẫn Kỹ năng đọc (03 đợt/ 1.200 bạn đọc); Hội sách: 25 buổi/21.623 bạn đọc (trong đó 10 buổi xã hội hóa); phục vụ luân chuyển sách cho 161 đơn vị cơ sở trong toàn tỉnh với 83.373 lượt bạn đọc/250.119 lượt sách báo. Tổ chức buổi hướng dẫn kỹ năng đọc cho bạn đọc trẻ là thanh thiếu nhi được tổ chức tại Thư viện tỉnh với sự có mặt của gần 200 học sinh.

- Tổ chức thành công Cuộc thi Thiết kế - Trang trí Thiệp Xuân với chủ đề “Xuân gắn kết – Tết sẻ chia” năm 2023; Tổ chức trưng bày, triển lãm sách báo với chủ đề “Mừng Đảng, mừng Xuân Quý Mão - năm 2023”; Trưng bày chuyên đề “Tuyên truyền Chủ quyền Biển - Đảo Việt Nam” tại Bảo tàng tỉnh BR-VT.

- Kết hợp tuyên truyền Văn hoá đọc bằng hình thức trực quan với tuyên truyền trên các phương tiện truyền thông đa phương tiện: Fanpage, kênh youtube, website Thư viện, website Sở Văn hóa và Thể thao và Liên hiệp Thư viện khu vực miền Đông Nam bộ và Cục Nam Trung bộ:

+ Website Thư viện: 264 bài viết thu hút hơn 440.000 lượt bạn đọc;

+ Fanpage: 220 bài viết thu hút hơn 158.400 lượt bạn đọc;

+ Kênh youtube: 247 video thu hút hàng ngàn lượt xem;9

+ Website Sở Văn hóa và Thể thao và và Liên hiệp Thư viện khu vực miền Đông Nam bộ và Cục Nam Trung bộ: 70 bài đăng.

- Biên soạn và phát hành các sản phẩm Thông tin định kỳ: Thông tin BRVT qua báo chí hàng tuần (52 số/4.472 bản), Bản tin Nông thôn đổi mới (12 số); 12 bộ sưu tập chuyên đề và thông tin chuyên đề khác, tiêu biểu như: Nhân vật - Sự kiện năm 2023; Giai thoại năm Mèo; Xứ Mô Xoài – Mảnh đất đầu tiên được khai phá trong tiến trình mở cõi về Nam bộ; Huỳnh Tấn Phát – Nhà Cách mạng, Nhà Văn hóa...

- Phát hành 100 bản Thông tin chuyên đề về Ngày Sách và Văn hóa đọc Việt Nam (21/4); Ngày Sách và Bản quyền Thế giới (23/4); Thực hiện 05 video clip tuyên truyền, giới thiệu sách. Hỗ trợ tư vấn, chuyên môn, nghiệp vụ cho hệ thống thư viện cơ sở trong Ngày Sách và Văn hóa đọc Việt Nam (21/4) và Ngày Sách và Bản quyền Thế giới (23/4).

- Đăng cai thành công Liên hoan Cán bộ thư viện toàn quốc tuyên truyền phát triển văn hóa đọc và giới thiệu sách về chủ quyền biển đảo Việt Nam năm 2023 với Tổ chức chủ đề “Việt Nam – Đất nước bên bờ sóng” do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức, Thư viện tỉnh đạt giải xuất sắc tại Liên hoan.

- Phát động phong trào thi đua “Chuyển đổi số giai đoạn 2023 – 2025”. Thông qua phong trào thi đua, phát huy, khuyến khích tính sáng tạo của tập thể viên chức và người lao động trong đơn vị, từ đó đề xuất những giải pháp khắc phục khó khăn để đẩy nhanh tiến độ, thực hiện cơ bản hoàn thiện nền tảng Dữ liệu số; quản lý và đảm bảo an ninh trên không gian mạng.

Điện ảnh:

- Triển khai cho các đơn vị, địa phương thực hiện Luật Điện ảnh và các văn bản có liên quan;

- Tổ chức Đợt phim “Kỷ niệm 93 năm Ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (03/02/1930-03/02/2023) và mừng Xuân Quý Mão năm 2023; Tuần phim “Kỷ niệm 80 năm Đề cương về văn hóa Việt Nam (1943-2023)”, với các bộ phim: Nhà tiên tri, Phượng cháy... và phim tài liệu Hồ Chí Minh, năm 1946; Văn hóa soi đường quốc dân đi... thực hiện 04 suất chiếu thu hút 400 lượt người xem;

- Tổ hoạt động chiếu phim kỷ niệm các ngày lễ lớn, các sự kiện của đất nước, tuần lễ phim về kỷ niệm 80 năm Đề cương về văn hóa Việt Nam (1943-2023); Kỷ niệm 50 năm thiết lập quan hệ ngoại giao Việt Nam – Australia (26/2/1973 – 26/2/2023); Kỷ niệm 50 năm thiết lập quan hệ ngoại giao Việt Nam – Nhật Bản,...

- Thực hiện 217 suất chiếu phim lưu động phục vụ cơ sở, với các bộ phim do Cục điện ảnh – Bộ VH TT & DL cung cấp, phục vụ: 8.900 lượt người xem. Phát thanh tuyên truyền trước các buổi chiếu: 138 giờ.

Nghệ thuật biểu diễn:

- Tham mưu Ủy ban Nhân dân tỉnh chấp thuận 09 cuộc thi người đẹp, người mẫu trên địa bàn tỉnh.

- Trong năm 2023, Nhà hát tỉnh phục vụ 100 suất biểu diễn; ước tính 96.500 người lượt người xem. Trong đó:

+ Chương trình nghệ thuật mừng Đảng, mừng Xuân; biểu diễn phục vụ tuyên truyền kỷ niệm 93 năm ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (03/02/1930 - 03/02/2023);

+ Phục vụ công nhân: Khu công nghiệp Châu Đức; TTVH thị xã Phú Mỹ; Đội 1, Đội 3 và Đại hội Công đoàn Công ty Cổ phần Cao su Hòa Bình (ước tính 12.000 lượt người xem).

+ Phục vụ công tác đối ngoại: Chương trình nghệ thuật kỷ niệm 50 năm thiết lập quan hệ ngoại giao Việt Nam – Australia và 05 năm quan hệ đối tác chiến lược (15/3/2018-15/3/2023); Biểu diễn tiếp đoàn thành phố Siem Reap – Campuchia; Phục vụ Đoàn đại biểu Hội đồng Liên Bang Nga thăm và làm việc tại tỉnh BR – VT; Phục vụ Đoàn chính quyền và Doanh nghiệp du lịch Bang Tây Australia; Giao lưu văn nghệ Đoàn nghệ thuật Belarus.

+ Phục vụ các giải thi đấu thể thao quốc gia tổ chức tại tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và các giải thi đấu thể thao tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu năm 2023: Giải vô địch Wushu Quốc gia năm 2023, Lễ khai mạc Giải vô địch cung thủ xuất sắc Quốc gia năm 2023, Khai mạc Giải vô địch Bóng rổ U23 Quốc gia năm 2023, Bế mạc Giải vô địch cờ vua tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu năm 2023, Khai mạc Giải Việt dã về nguồn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu mở rộng năm 2023, Giải Muay tỉnh BR-VT mở rộng, Giải Vô địch Cờ vua các CLB Quốc gia

+ Phục vụ các hoạt động khu vực và toàn quốc như: Triển lãm Mỹ thuật khu vực VII lần thứ 28 năm 2023, Kỷ niệm 30 năm thành lập Liên minh Hợp tác xã; chương trình Khai mạc và Bế mạc dâng cai Liên hoan cán bộ thư viện giỏi toàn quốc;...

- Thực hiện các nhiệm vụ Tổ chức các hoạt động kỷ niệm 76 năm ngày Thương binh - Liệt sỹ (27/7/1947-27/7/2023) tại huyện Côn Đảo và công tác phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về tổ chức Chương trình nghệ thuật về trình nghệ thuật đặc biệt kỷ niệm 76 năm Ngày Thương binh - Liệt sỹ (27/7/1947-27/7/2023).

Về mỹ thuật, nhiếp ảnh và triển lãm:

- Thực hiện 09 cuộc triển lãm với 247 ảnh nghệ thuật và ảnh tư liệu, phục vụ: hơn 5.000 lượt người xem.

- Đăng cai tổ chức thành công Triển lãm Mỹ thuật khu vực Đông Nam Bộ năm 2023. Triển lãm giới thiệu 220 tác phẩm của 178 tác giả từ những chất liệu như: Acrylic, tổng hợp, khắc gỗ, sơn dầu, sơn mài... của các họa sĩ, nghệ sỹ đến từ các tỉnh Đông Nam bộ (Bà Rịa-Vũng Tàu, Bình Thuận, Ninh Thuận, Bình Dương,

Bình Phước, Đồng Nai, Tây Ninh, Lâm Đồng và Đắk Nông) trong đó tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu sẽ đóng góp 28 tác phẩm của 23 tác giả.

- Triển lãm chuyên đề “Sắc xuân trên quê hương Côn Đảo” tại Bảo tàng Côn Đảo; “Côn Đảo - Nơi kết nối Văn hóa và Du lịch” tại di tích Nhà Chứa Đảo nhân dịp Tết Nguyên đán Quý Mão năm 2023.

- Ban Quản lý Di tích quốc gia Côn Đảo phối hợp với Bảo tàng Tổng hợp tỉnh Trà Vinh xây dựng kế hoạch tổ chức triển lãm chuyên đề “Côn Đảo - Trà Vinh kết nối Văn hóa và Du lịch” tại Bảo tàng Tổng hợp tỉnh Trà Vinh.

- Trưng bày triển lãm Liên hoan trình diễn các di sản văn hóa phi vật thể được UNESCO ghi danh lần thứ nhất - Năm 2023 tại Phú Thọ; Kỷ niệm 50 năm thiết lập quan hệ ngoại giao Việt Nam – Australia; Hội thi tuyên truyền lưu động “Biển và hải đảo Việt Nam” năm 2023 tại Hải Phòng và các hoạt động phối hợp khác.

Về công tác gia đình:

- Tổ chức sơ kết về công tác gia đình, phòng chống bạo lực gia đình năm 2022. Tham mưu trình UBND tỉnh khen thưởng cho 6 tập thể, 9 cá nhân có thành tích xuất sắc trong thực hiện công tác gia đình và phòng, chống bạo lực gia đình (2 chuyên đề); khen thưởng giấy khen Giám đốc sở cho và 10 tập thể, 20 cá nhân có thành tích tiêu biểu trong triển khai thực hiện công tác gia đình và phòng, chống bạo lực gia đình.

- Tổ chức Hội nghị tập huấn công tác gia đình năm 2023 tại Côn Đảo có gần 100 cán bộ văn hóa thông tin tham gia. Tổ chức tập huấn tại 7 huyện, thị xã thành phố còn lại, có 600 học viên tham gia là công chức tham gia phổ biến những vấn đề mới của Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2022.

- Tổ chức Hội thi giao lưu các Câu lạc bộ Xây dựng gia đình phát triển bền vững kỷ niệm Ngày Quốc tế hạnh phúc 20/3/2023 tại Trung tâm Văn hóa tỉnh với sự góp mặt của 14 câu lạc bộ Xây dựng gia đình phát triển bền vững của các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh, thu hút gần khoảng 400 khán giả đến xem và cổ vũ.

- Tổ chức các hoạt động kỷ niệm Ngày gia đình Việt Nam 28/6: tuyên truyền trên băng rôn, pa nô dọc tuyến đường; Tổ chức Ngày hội gia đình lần thứ XII tại Trung tâm văn hóa tỉnh; Xây dựng Kế hoạch tham dự Ngày hội miền Đông Nam bộ lần thứ XII năm 2023 tại tỉnh Tây Ninh từ ngày 21-23/6/2023.

- Tổ chức Ngày hội gia đình tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu lần thứ XII năm 2023 với sự tham dự của 21 gia đình đến từ các địa phương trên địa bàn tỉnh. Tham gia Ngày hội Gia đình các tỉnh Đông Nam bộ lần thứ XII năm 2023 tại tỉnh Tây Ninh và cử đoàn tham gia gồm 3 gia đình đến từ 3 huyện, thị xã, thành phố đại diện cho tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham dự. Kết quả đạt giải Khuyến khích toàn đoàn.

- Thực hiện Công tác gia đình và các nhiệm vụ thuộc Dự án 8, Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số (2021 - 2030) Giai đoạn 2023 – 2025. Sở Văn hóa và Thể thao đã tổ chức các buổi nói chuyện chuyên đề về giáo dục đạo đức, lối sống trong gia đình và văn hóa ứng xử trong trường học cho 1.000 học sinh trên địa bàn huyện Châu Đức và thành phố Bà Rịa.

- Tổ chức Tháng hành động vì bình đẳng giới và phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới năm 2023 của Ngành Văn hóa và Thể thao với chủ đề

“Đảm bảo an sinh xã hội, tăng quyền năng và tạo cơ hội cho phụ nữ và trẻ em gái nhằm thực hiện bình đẳng giới và xóa bỏ bạo lực trên cơ sở giới”. Phát hành sản phẩm truyền thông có nội dung về gia đình, bình đẳng giới, trẻ em (sổ tay tuyên truyền, vở ô ly tuyên truyền, sản phẩm in thông điệp truyền thông...)

- Kiểm tra hoạt động Ban Chỉ đạo Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” và Công tác gia đình các huyện, thị xã, thành phố năm 2023.

- Tổ chức Hội nghị sơ kết hoạt động công tác gia đình; phòng, chống bạo lực gia đình năm 2023 để kịp thời tuyên dương và khen thưởng các cá nhân, tập thể có thành tích tiêu biểu trong hoạt động phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” công tác gia đình năm 2023.

Lĩnh vực thể dục, thể thao:

Về thể dục thể thao cho mọi người:

- Trong năm 2023 đã tổ chức được 40 giải thể thao cấp tỉnh, đạt 100%, với sự tham dự của hơn 11.100 lượt VĐV và 645 lượt đơn vị tham dự.

- Tổ chức ngày chạy Olympic vì sức khỏe toàn dân năm 2023 với sự tham dự của hơn 37.326 người của 82 xã, phường, thị trấn và Câu lạc bộ thể thao, Hội, Liên đoàn thể thao cấp tỉnh, các cơ quan, doanh nghiệp trong tỉnh.

- Ban hành Kế hoạch hỗ trợ tổ chức Giải Xe đạp nữ Quốc tế Bình Dương lần thứ XIII năm 2023 Cúp Biwase và các văn bản liên quan đến công tác hỗ trợ tổ chức giải.

- Ban hành văn bản hướng dẫn áp dụng mức chi tiền thưởng tại các giải thi đấu thể thao trên địa bàn tỉnh theo Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 13/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh (Công văn số 239/SVHTT-TDĐT ngày 10/02/2023).

- Hướng dẫn Hội Golf tỉnh tổ chức Đại hội nhiệm kỳ IV (2022-2027)

- Hướng dẫn Ban vận động Liên đoàn Yoga tỉnh tổ chức Đại hội nhiệm kỳ I (2023 – 2028).

- Thẩm định, cấp phép hoạt động thể thao: Hồ bơi, Yoga, Mô tô nước trên biển, Thể dục thể hình và Fitness, Thuyền sup, Kayak cho các doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao trên địa bàn tỉnh.

- Hướng dẫn các Công ty, doanh nghiệp tổ chức được 19 giải thể thao theo hình thức xã hội hóa, với kinh phí ước gần 28 tỷ 598 triệu đồng.

- Về đào tạo bồi dưỡng: Theo Chương trình bơi an toàn phòng, chống đuối nước trẻ em tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu năm 2023 đã tổ chức thành công 02 lớp tập huấn chuyên môn tại thành phố Bà Rịa và huyện Long Điền cho 257 học viên trên địa bàn tỉnh.

Về thể thao thành tích cao và thể thao chuyên nghiệp:

- Trong năm đã tổ chức thành công 18 giải quốc gia, đạt 100% theo kế hoạch thu hút gần 8.482 lượt HLV-VĐV và gần 439 đơn vị, câu lạc bộ tham dự, ước gần 40.460 lượt người xem, cổ vũ.

- Đã cử các đội tuyển thể thao các môn tham dự 130/86 giải theo kế hoạch, đạt 151,1%. Kết quả đạt là: 801/325 huy chương, (159 HCV, 217 HCB, 425 HCD), đạt 240,6%. So cùng kỳ năm 2022 đạt 550 huy chương các loại, như vậy thành tích

huy chương năm 2023 đã đạt và vượt so với năm 2022 là 801/550 huy chương các loại và vượt 142,1%, trong đó:

+ Tham dự 16 giải thể thao quốc tế đạt được 21 huy chương (05 HCV, 6 HCB, 10HCD), với thành tích nổi bật:

SEAGames 32 tại Campuchia, Đoàn thể thao tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia đội tuyển Việt Nam thi đấu với kết quả đạt được 02 HCV, 01 HCB, 03 HCD.

Đại hội Thể thao Châu Á (ASIAD) lần thứ 19 tại Trung Quốc, đội tuyển tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu có 03 VĐV tham dự Đại hội là: VĐV Võ Thị Kim Phụng môn Cờ vua; VĐV Ngô Bảo Nghi môn Golf; VĐV Võ Thị Phương Quỳnh môn Kurash đạt 01 HCD.

Giải Muay trẻ thế giới được tổ chức tại Thổ Nhĩ Kỳ, VĐV Khổng Thị Ngân thi đấu xuất sắc và đạt 01 HCD hạng cân dưới 48kg nữ lứa tuổi 14 – 16;

+ Tham dự 88 giải thể thao quốc gia, đạt được 544/325 huy chương (98 HCV, 146 HCB, 300 HCD), trong đó: Tham dự 01 giải thể thao quần chúng quốc gia (Giải VĐ quốc gia người khuyết tật toàn quốc), đạt được 05 huy chương (01 HCB, 04 HCD) ở môn Boccia và Cử tạ và Hội thi thể thao các dân tộc thiểu số toàn quốc khu vực II, đạt được 02 HCD.

+ Tham dự 26 giải thể thao khu vực, cụm và mở rộng, đạt được 236 huy chương (56 HCV, 65 HCB, 115 HCD).

- *THTK, CLP trong một số trường hợp sử dụng NSNN: Tổ chức hội nghị, hội thảo, tọa đàm; cử cán bộ, công chức, viên chức đi công tác, khảo sát trong và ngoài nước; đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức; sử dụng điện, nước; sử dụng văn phòng phẩm, sách báo, tạp chí; tiếp khách, khánh tiết; tổ chức lễ hội, lễ kỷ niệm:*

Toàn ngành thực hiện nghiêm theo quy định của cấp trên trong việc tổ chức hội nghị, hội thảo, tọa đàm; cử cán bộ, công chức, viên chức đi công tác, khảo sát trong và ngoài nước; đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức;

Tiết kiệm trong việc sử dụng điện, nước; sử dụng văn phòng phẩm, sách báo, tạp chí; tiếp khách, khánh tiết; tổ chức lễ hội, lễ kỷ niệm.

c) *THTK, CLP trong mua sắm, sử dụng phương tiện đi lại và phương tiện, thiết bị làm việc của cơ quan, tổ chức trong khu vực nhà nước:*

- *THTK, CLP trong mua sắm, trang bị, sửa chữa, quản lý, sử dụng phương tiện đi lại:*

Toàn ngành đều xây dựng quy định tiêu chuẩn định mức sử dụng xe ô tô và định mức nhiên liệu cho từng loại xe theo Quy chế chi tiêu nội bộ; do đó đã tiết kiệm được một khoản kinh phí đáng kể.

- *THTK, CLP trong mua sắm, trang bị, quản lý, sử dụng phương tiện, thiết bị làm việc:*

Hàng năm, tất cả các đơn vị tiến hành kiểm kê, đánh giá tài sản, trang thiết bị làm việc; kịp thời thanh lý các tài sản hư hỏng. Mở hệ thống sổ theo dõi cụ thể việc quản lý, sử dụng tài sản của nhà nước đối với từng công chức, viên chức và người lao động, qua đó nâng cao tinh thần trách nhiệm trong việc quản lý, sử dụng tài sản. Việc

thay thế, sửa chữa các thiết bị làm việc, đơn vị đều thành lập Hội đồng để xác định rõ nguyên nhân hư hỏng, xác định rõ trách nhiệm của từng người trong việc quản lý, sử dụng tài sản cơ quan; nếu tự gây hư hỏng sẽ phải bồi thường, do vậy việc quản lý tài sản, trang thiết bị tại cơ quan chặt chẽ, kéo dài tuổi thọ và tiết kiệm được việc mua sắm tài sản mới; kinh phí tiết kiệm được để làm công việc cấp thiết khác.

Về việc thực hành tiết kiệm chống lãng phí trong quản lý sử dụng ngân sách Nhà nước, các đơn vị luôn chấp hành tốt công tác thực hành, tiết kiệm, chống lãng phí trong việc sử dụng điện, nước, văn phòng phẩm tiết kiệm hiệu quả; tiết kiệm điện, tắt các nguồn điện của máy móc, thiết bị khi hết giờ làm việc.

Thực hiện quản lý chặt chẽ chi tiêu đúng mục đích và căn cứ trên dự toán, danh mục được phê duyệt, hạn chế tối đa việc bổ sung so với dự toán đầu năm được phê duyệt.

Các đơn vị đã nâng cao tinh thần trách nhiệm, thực hiện tốt các quy định về công khai, minh bạch trong quản lý, sử dụng sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước, thực hiện tốt công tác tiết kiệm có hiệu quả, phòng chống lãng phí.

- THTK, CLP trong mua sắm, trang bị, quản lý, sử dụng phương tiện thông tin, liên lạc:

Việc mua sắm, trang thiết bị phương tiện thông tin, liên lạc được quy định cụ thể trong Quy chế chi tiêu nội bộ; Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công; trong đó nghiêm cấm việc dùng điện, nước, phương tiện thông tin, liên lạc, máy tính, máy in, máy phô tô của cơ quan vào việc cá nhân; đặc biệt việc ứng dụng công nghệ thông tin đã góp phần đẩy mạnh cải cách hành chính của đơn vị và Ngành.

d) THTK, CLP trong đầu tư xây dựng; quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, nhà ở công vụ và công trình phúc lợi công cộng:

- THTK, CLP trong đầu tư xây dựng:

Tiếp tục sử dụng hiệu quả nguồn vốn ngân sách Nhà nước đã bố trí cho các dự án do Sở làm chủ đầu tư.

Đôn đốc, phối hợp đẩy nhanh tiến độ, theo dõi quyết toán để đưa công trình vào sử dụng.

Tổng dự toán được bố trí là 60.686.000.000đồng cho các nội dung:

1. Bảo tồn tôn tạo di tích lịch sử Côn Đảo: 34.490.000.000đ giải ngân 33.715.999.280đ đạt 98%.

2. Nhà Bảo tàng tỉnh : 25.000.000.000đ giải ngân 23.640.791.337 đ đạt 95%

3. Học viện bóng đá và khu nghỉ dưỡng tại xã Lộc An, huyện Đất Đỏ: 1.146.000.000đ giải ngân 0%.

4.Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu thể dục thể thao tỉnh, kết hợp nâng cấp sân vận động Lam Sơn: 50 tr giải ngân 0%.

- THTK, CLP trong quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp:

Sử dụng tài sản công đúng mục đích, không sử dụng vào việc riêng. Bố trí hợp lý diện tích các phòng làm việc của cơ quan theo đúng quy định của Nhà nước.

Quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, tài sản công theo Luật định, công khai, minh bạch, sử dụng đúng mục đích, đúng quy định của pháp luật, không sử dụng vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh liên kết, bảo đảm tiết kiệm và hiệu quả. Gắn việc quản lý tài sản công với công tác quản lý, điều hành các hoạt động của đơn vị, hiện đại hóa công tác quản lý tài sản công.

Thực hiện mua sắm tài sản theo đúng tiêu chuẩn, định mức và chế độ quy định. Trình tự, thủ tục mua sắm tài sản nhà nước phải bảo đảm thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

Tài sản mua sắm phải hoạch toán, báo cáo và quản lý, sử dụng theo đúng quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước.

- *THTK, CLP trong quản lý, sử dụng nhà ở công vụ, công trình phúc lợi công cộng:*

đ) *THTK, CLP trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên:*

- *THTK, CLP trong quản lý, sử dụng đất:*

- *THTK, CLP trong quản lý, sử dụng tài nguyên nước:*

- *THTK, CLP trong quản lý, khai thác, sử dụng khoáng sản:*

- *THTK, CLP trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên rừng:*

- *THTK, CLP trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên khác:*

e) *THTK, CLP trong tổ chức bộ máy, quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động trong khu vực nhà nước:*

- *THTK, CLP trong quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động trong cơ quan nhà nước:*

Trong năm 2023, ngành Văn hóa và Thể thao đã thực hiện theo đúng lộ trình tinh giản biên chế. Văn phòng Sở Văn hóa và Thể thao không giảm biên chế so với năm 2020.

Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở hoàn thành chỉ tiêu tinh giản biên chế. Tổng số đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở hiện có là 06 đơn vị, bao gồm 05 đơn vị sự nghiệp văn hóa và 01 đơn vị sự nghiệp thể dục thể thao; 05/06 đơn vị là đơn vị tự đảm bảo một phần chi thường xuyên, chỉ có đơn vị Thư viện tỉnh là đơn vị do nhà nước đảm bảo toàn bộ chi thường xuyên. Trong năm 2023, tại các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở không giảm biên chế so với năm 2022.

Thời giờ làm việc của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động tại các cơ quan, đơn vị được quy định tại nội quy cơ quan và được kiểm tra, giám sát chất lượng và đảm bảo hiệu quả công việc của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động tại.

- *THTK, CLP trong quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động trong đơn vị sự nghiệp công lập:*

Luôn tạo điều kiện cho cán bộ, viên chức phát huy hết khả năng chuyên môn, trong công tác thực thi nhiệm vụ. Có kế hoạch bố trí thời gian lao động hợp lý không để lãng phí nguồn nhân lực cũng như đảm bảo giờ giấc làm việc hiệu quả. Triển khai tốt quy chế dân chủ cơ sở, phát huy công tác giám sát trong việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

Sử dụng hiệu quả đội ngũ cán bộ, viên chức và người lao động. Phân công hợp lý theo trình độ chuyên môn nghiệp vụ, phát huy năng lực và trình độ của từng cán bộ, viên chức và người lao động.

- *THTK, CLP trong quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động trong các cơ quan, tổ chức khác:*

g) *THTK, CLP trong quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp:*

- *THTK, CLP trong quản lý, sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp:*

- *THTK, CLP trong quản lý, sử dụng đất và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp:*

- *THTK, CLP tại doanh nghiệp nhà nước:*

h) *THTK, CLP trong hoạt động sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng của nhân dân:*

- *THTK, CLP trong đầu tư xây dựng, sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng của nhân dân:*

- *THTK, CLP trong tổ chức lễ hội và các hoạt động khác có sử dụng nguồn lực đóng góp của cộng đồng:*

2. Hành vi lãng phí và kết quả xử lý hành vi lãng phí:

Trên quan điểm tích cực, chủ động phòng ngừa, kiên quyết thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; nên trong năm 2023, Ngành không phát hiện hành vi lãng phí nào: nhưng tuy nhiên các hành vi như ra khỏi phòng chưa kịp thời tắt đèn điện thấp sáng, hoặc còn sử dụng điện thoại công, giấy in, mực in vào việc riêng, thật sự chưa tiết kiệm triệt để.

- Số vụ việc lãng phí đã phát hiện: Không

- Số vụ việc đã được xử lý: Không

- Số người vi phạm và hình thức xử lý: Không

3. Phân tích, đánh giá:

a) *Đánh giá kết quả đạt được:*

- Đánh giá toàn diện kết quả đạt được trên các mặt chỉ đạo, điều hành, thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước, phát triển kinh tế xã hội:

Toàn ngành làm tốt công tác tuyên truyền, phổ biến, quán triệt Luật THTK, CLP năm 2023 và các Chỉ thị, Nghị quyết của Trung ương Đảng, Chính phủ về THTK, CLP gắn việc THTK, CLP với việc học tập tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh tinh thần cần, kiệm, liêm, chính, chí, công vô tư; gắn các chỉ tiêu THTK, CLP với các đợt thi đua do cơ quan ban ngành và đơn vị phát động.

+ Công tác thanh, kiểm tra việc thực hiện các quy định pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí được Sở Văn hóa và Thể thao thực hiện lồng ghép vào các cuộc thanh kiểm tra hành chính tại các đơn vị sự nghiệp trực thuộc nhằm tránh tình trạng đơn vị bị thanh, kiểm tra nhiều lần trong năm làm ảnh hưởng đến hoạt động của cơ quan, đơn vị là đối tượng thanh tra.

- Năm 2023, thực hiện Kế hoạch Thanh tra, kiểm tra năm 2023 được Giám đốc Sở phê duyệt tại Quyết định số 05/QĐ-SVHTT ngày 06/01/2023, Sở Văn hóa và Thể thao đã chỉ đạo Thanh tra Sở tiến hành cuộc thanh tra hành chính tại Nhà hát tỉnh từ ngày 13/10/2023 đến ngày 13/11/2023. Nội dung thanh tra “Việc chấp hành các quy định pháp luật trong công tác quản lý và sử dụng tài chính, tài sản công; công tác phòng chống tham nhũng và thực hành tiết kiệm, chống lãng phí tại Nhà hát tỉnh”. Đến nay, cuộc thanh tra đã kết thúc, Chánh Thanh tra Sở Văn hóa và Thể thao đã ban hành Kết luận Thanh tra số 01/KL-TTr ngày 10/12/2023 và công bố công khai kết luận thanh tra theo quy định.

- Kết quả kiểm tra cho thấy Nhà hát tỉnh có xây dựng Kế hoạch số 64/KH-NHT ngày 10/3/2023 về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2023, có triển khai các văn bản của Sở Văn hóa và Thể thao về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; thực hiện tốt công tác thông tin, tuyên truyền về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và chế độ báo cáo theo quy định. Đơn vị quan tâm quản lý, sử dụng kinh phí tiết kiệm, hiệu quả, để có nguồn kinh phí chi tăng thu nhập, nâng cao đời sống cho cán bộ, viên chức, người lao động tại đơn vị.

- So sánh, đối chiếu giữa kết quả đạt được với mục tiêu, chỉ tiêu tiết kiệm và yêu cầu chống lãng phí đã đề ra trong Chương trình THPTK, CLP của năm báo cáo: Năm 2023 đơn vị đã thực hiện được trên 100% so với Chương trình THPTK, CLP của năm đề ra.

b) Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

Việc xây dựng Chương trình, Kế hoạch THPTK, CLP ở một số đơn vị còn chung chung, chưa cụ thể.

Công tác tuyên truyền, giáo dục, phổ biến pháp luật về THPTK, CLP tuy được quan tâm nhưng thiếu tính hệ thống, thiếu sự gắn kết phối hợp và chưa thường xuyên.

Chưa kịp thời chấn chỉnh các hành vi lãng phí do chưa tổ chức kiểm tra, giám sát việc THPTK, CLP thường xuyên.

Chương trình THPTK, CLP tại các đơn vị trực thuộc còn hạn chế, kết quả chưa cao do tính tự giác, tinh thần, ý thức THPTK, CLP của một số viên chức, người lao động chưa cao, Lãnh đạo đơn vị chưa quan tâm, chỉ đạo sâu sát, quyết liệt trong việc thực hiện Chương trình này.

c) Những kinh nghiệm rút ra:

Lãnh đạo đơn vị và lãnh đạo các phòng ban bộ phận phải luôn quan tâm đến công tác tuyên truyền, giáo dục ý thức chấp hành pháp luật trong việc THPTK-CLP. Đồng thời, thực hiện tốt công tác kiểm tra chấp hành các quy định về thực hành tiết kiệm; từ đó kịp thời phát hiện, chấn chỉnh, khắc phục những hạn chế, thiếu sót; Tổ chức rút kinh nghiệm trong việc điều hành, quản lý và sử dụng tài sản, Ngân sách nhà nước.

III. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ VÀ CÁC GIẢI PHÁP VỀ THPTK, CLP CẦN TẬP TRUNG TRIỂN KHAI THỰC HIỆN TRONG NĂM 2024

1. Phương hướng, nhiệm vụ

- Trong quản lý, sử dụng kinh phí chi thường xuyên NSNN: Tiếp tục siết chặt kỷ luật tài khóa - NSNN; bảo đảm chi NSNN tiết kiệm, hiệu quả và theo đúng dự toán

được giao; Phần đầu đạt hiệu quả cao về THPT, CLP, đảm bảo tăng thu nhập cho cán bộ công chức, viên chức, lao động cao hơn năm 2023 là 20% từ nguồn tiết kiệm.

- Trong quản lý, sử dụng tài sản công: Tiếp tục rà soát, sắp xếp lại tài sản công theo đúng chỉ đạo của UBND tỉnh, hướng dẫn của Sở Tài chính; thực hiện nghiêm quy định của pháp luật về đấu giá khi bán, chuyển nhượng tài sản công; xử lý nghiêm các sai phạm về quản lý, sử dụng tài sản theo quy định của pháp luật và Quy chế của cơ quan. Thực hiện mua sắm tài sản theo đúng tiêu chuẩn, định mức và chế độ quy định bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, công khai, minh bạch; triển khai đồng bộ, có hiệu quả phương thức mua sắm tập trung, mua sắm qua hệ thống mạng đấu thầu quốc gia; nghiên cứu thực hiện khoán kinh phí sử dụng tài sản công theo quy định (nếu phù hợp).

- Trong quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động: Tiếp tục đổi mới, rà soát, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Thực hiện Kế hoạch tinh giản biên chế theo lộ trình đã được phê duyệt. Thực hiện tốt công tác tuyển dụng viên chức, tiếp nhận công chức trên cơ sở yêu cầu nhiệm vụ, vị trí việc làm và trong phạm vi biên chế được giao. Quan tâm đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ công chức đáp ứng yêu cầu của vị trí việc làm, trình độ đào tạo, năng lực chuyên môn, ngạch công chức, viên chức. Sử dụng lao động, thời gian lao động hợp lý, khoa học, hiệu quả và gắn với cải cách hành chính. Tăng cường, nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát; triển khai đồng bộ các giải pháp phòng, chống tham nhũng, tiêu cực hiệu quả; kiên quyết ngăn chặn và đẩy lùi tình trạng nhũng nhiễu, gây phiền hà cho người dân và doanh nghiệp trong thực thi công vụ. Tiếp nhận, giải quyết kịp thời và công khai kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo, phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp.

2. Giải pháp thực hiện

- Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí: Thống nhất công tác chỉ đạo thực hiện thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trên cơ sở Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, Chương trình THPT, CLP năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ, của UBND tỉnh và của Sở Văn hóa và Thể thao.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức, đặc biệt là đề cao trách nhiệm của người đứng đầu trong thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

- Tăng cường công tác tổ chức thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trên các lĩnh vực: quản lý NSNN, quản lý, sử dụng tài sản công, quản lý lao động, thời gian lao động.

- Đẩy mạnh thực hiện công khai, nâng cao hiệu quả giám sát thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Thực hiện tốt công tác kiểm tra, giám sát việc xây dựng, thực hiện Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và việc thực hiện các quy định của Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

- Kiểm tra các hành vi vi phạm quy định về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Thực hiện tốt công tác tự kiểm tra, giám sát việc thực hiện Kế hoạch thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và thực hiện các quy định của Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

- Đẩy mạnh cải cách hành chính, hiện đại hóa quản lý gắn với thực hành tiết kiệm, chống lãng phí với công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng.

- Triển khai có hiệu quả pháp luật THTK, CLP gắn với công tác phòng chống tham nhũng.

IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ VỀ THTK, CLP

1. Kiến nghị về công tác chỉ đạo điều hành

- Rà soát sửa đổi Luật THTK, CLP để đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật.

2. Đề xuất các giải pháp, sáng kiến nhằm nâng cao hiệu quả công tác THTK, CLP

- Biểu dương, tuyên truyền các gương điển hình, cách làm hay của các cá nhân, cơ quan, đơn vị trong việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí để các cá nhân, cơ quan, đơn vị khác học tập.

Nơi nhận:

- UBND Tỉnh (b/c);
- BGĐ Sở (b/c);
- Sở Tài chính (t/h);
- Lưu: VT, KHTC.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Đình Trung

SỞ VĂN HÓA VÀ THỂ THAO
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

BẢNG THUYẾT MINH PHỤ LỤC 3

(Đính kèm theo Báo cáo số: 02/BC-SVHTT ngày 04/01/2023 của Sở Văn hóa và Thể thao)

STT	Nội dung/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Số dự toán	Số thực hiện	Tỷ lệ TH	Ghi chú
			1	2	3=(1-2)/2	
	Tổng cộng (A+B+C)	100				
A	Một số tiêu chí tiết kiệm trong chi thường xuyên (A=I+II)	70				
I	Kết quả tiết kiệm một số chỉ tiêu cụ thể	55				
1	Chi sách, báo, tạp chí	6	155	130	19%	
2	Chi cước phí thông tin liên lạc	6	265	129	105%	
3	Chi sử dụng điện	6	1010	622	62%	
4	Chi xăng, dầu	6	332	183	81%	
5	Chi sử dụng nước	6	177	111	59%	
6	Chi tổ chức hội nghị, hội thảo, tọa đàm, họp	6	12	4	200%	
7	Chi tiếp khách, khánh tiết, lễ hội, lễ kỷ niệm	6	294	167	76%	
8	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản, trang thiết bị làm việc, phương tiện thông tin liên lạc	6	590	303	95%	
9	Chi thực hiện các nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao (bao gồm: kinh phí thực hiện các nhiệm vụ đột xuất được cấp có thẩm quyền giao; kinh phí thực hiện các Đề án, Chương trình được cấp có thẩm quyền phê duyệt)	7	131,311	47,749	175%	
	1. Sự nghiệp đào tạo (070-085)		750	513	46%	
	2. Công nghệ thông tin (100-103)		379	379	0%	
	3. Sự nghiệp văn hóa (160-161)		28,968	23,834	22%	
	4. Sự nghiệp thể thao (220-221)		17,639	16,165	9%	
	5. Đề án thể thao thành tích cao (220-221)		83,575	6,858	1119%	
II	Việc thực hiện kế hoạch tình giảm biên chế	15	1	1	100%	
1	Kết quả thực hiện chỉ tiêu giảm biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước theo kế hoạch, chỉ tiêu được cấp có thẩm quyền giao	10	1	1	100%	
	Thực hiện, đúng kế hoạch, chỉ tiêu theo quy định	10	1	1	100%	
	Không thực hiện đúng kế hoạch, chỉ tiêu theo quy định	0				

STT	Nội dung/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Số dự toán	Số thực hiện	Tỷ lệ TH	Ghi chú
2	Kết quả thực hiện chấm dứt số hợp đồng lao động không đúng quy định trong đơn vị sự nghiệp công lập (đơn vị không có hợp đồng lao động không đúng quy định hoặc đơn vị đã tự bảo đảm tự chủ tài chính thì được điểm tối đa chỉ tiêu này): Đơn vị sự nghiệp công lập có trách nhiệm xây dựng kế hoạch, chỉ tiêu giảm số hợp đồng lao động không đúng quy định để làm căn cứ chấm điểm chỉ tiêu này.	5				
	Thực hiện, đúng kế hoạch, chỉ tiêu theo quy định	5				
	Không thực hiện đúng kế hoạch, chỉ tiêu theo quy định	0				
B	Kết quả tiết kiệm kinh phí chi thường xuyên được giao thực hiện chế độ tự chủ đối với đơn vị sự nghiệp công lập (loại trừ số kinh phí đã thực hiện tiết kiệm để cải cách tiền lương)	30	37,147	30,114	23%	
1	Tiết kiệm dưới 5% so với dự toán kinh phí được giao	10				
2	Tiết kiệm trên 5% đến 9% so với dự toán kinh phí được giao	20				
3	Tiết kiệm trên 9% so với dự toán kinh phí được giao	30	37,147	30,114	23%	
	Nhà Hát		5,585	4,585	22%	
	Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu TDTT		4,267	3,571	19%	
	Trung tâm Văn hóa		5,036	3,770	34%	
	Bảo tàng tỉnh		4,923	3,935	25%	
	Trung tâm bảo tồn di tích quốc gia Côn Đảo		12,169	10,969	11%	
	Thư viện		5,167	3,284	57%	
C	Đánh giá việc thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ trong chi thường xuyên					
1	Có khoản chi bị Kho bạc nhà nước từ chối thanh toán do chi sai định mức, tiêu chuẩn, chế độ.	-5				
2	Có khoản chi bị cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán phát hiện chi sai định mức, tiêu chuẩn, chế độ.	-5				
3	Có trường hợp khác bị phát hiện chi sai định mức, tiêu chuẩn, chế độ.	-5				

**BẢNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ
TRONG CHI THƯỜNG XUYÊN NĂM 2023**

(Đính kèm theo Báo cáo số: 02/BC-SVHTT ngày 04/01/2024 của Sở Văn hóa và Thể thao)

STT	Nội dung/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Thư viện		Nhà hát tỉnh		TT Bảo tồn di tích quốc gia Côn Đảo		Bảo tàng tỉnh		TT Văn hóa		TT Huấn luyện và Thi đấu TDTT	
			ĐV	TĐ	ĐV	TĐ	ĐV	TĐ	ĐV	TĐ	ĐV	TĐ	ĐV	TĐ
	Tổng cộng (A+B+C)	100	100	100	100	100	100	99	100	100	100	100	98	98
A	Một số tiêu chí tiết kiệm trong chi thường xuyên (A=I+II)	70	70	70	70	70	70	69	70	70	70	70	68	68
I	<i>Kết quả tiết kiệm một số chỉ tiêu cụ thể</i>	55	55	55	55	55	55	54	55	55	55	55	53	53
1	Chi sách, báo, tạp chí	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6
2	Chi cước phí thông tin liên lạc	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6
3	Chi sử dụng điện	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6
4	Chi xăng, dầu	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6
5	Chi sử dụng nước	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6
6	Chi tổ chức hội nghị, hội thảo, tọa đàm, họp	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6
7	Chi tiếp khách, khánh tiết, lễ hội, lễ kỷ niệm	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6
8	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản, trang thiết bị làm việc, phương tiện thông tin liên lạc	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6
9	thẩm quyền giao (bao gồm: kinh phí thực hiện các nhiệm vụ đột xuất được cấp có thẩm quyền giao; kinh phí thực hiện các Đề án, Chương trình được cấp có thẩm quyền phê duyệt)	7	7	7	7	7	7	6	7	7	7	7	5	5
II	<i>Việc thực hiện kế hoạch tinh giản biên chế</i>	15	15	15	15	15	15	15	15	15	15	15	15	15

STT	Nội dung/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Thư viện		Nhà hát tỉnh		TT Bảo tồn di tích quốc gia Côn Đảo		Bảo tàng tỉnh		TT Văn hóa		TT Huấn luyện và Thi đấu TDTT	
1	Kết quả thực hiện chỉ tiêu giảm biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước theo kế hoạch, chỉ tiêu được cấp có thẩm quyền giao	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10
	Thực hiện, đúng kế hoạch, chỉ tiêu theo quy định	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10
	Không thực hiện đúng kế hoạch, chỉ tiêu theo quy định	0												
2	Kết quả thực hiện chấm dứt số hợp đồng lao động không đúng quy định trong đơn vị sự nghiệp công lập (đơn vị không có hợp đồng lao động không đúng quy định hoặc đơn vị đã tự bảo đảm tự chủ tài chính thì được điểm tối đa chỉ tiêu này): Đơn vị sự nghiệp công lập có trách nhiệm xây dựng kế hoạch, chỉ tiêu giảm số hợp đồng lao động không đúng quy định để làm căn cứ chấm điểm chỉ tiêu này.	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5
	Thực hiện, đúng kế hoạch, chỉ tiêu theo quy định	5	5	5	5	5	5	3	5	5	5	5	5	
	Không thực hiện đúng kế hoạch, chỉ tiêu theo quy định	0												
B	Kết quả tiết kiệm kinh phí chi thường xuyên được giao thực hiện chế độ tự chủ đối với đơn vị sự nghiệp công lập (loại trừ số kinh phí đã thực hiện tiết kiệm để cải cách tiền lương)	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30
1	Tiết kiệm dưới 5% so với dự toán kinh phí được giao	10												
2	TTiết kiệm trên 5% đến 9% so với dự toán kinh phí được giao	20												

STT	Nội dung/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Thư viện		Nhà hát tỉnh		TT Bảo tồn di tích quốc gia Côn Đảo		Bảo tàng tỉnh		TT Văn hóa		TT Huấn luyện và Thi đấu TDTT	
3	Tiết kiệm trên 9% so với dự toán kinh phí được giao	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30
C	Đánh giá việc thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ trong chi thường xuyên													
1	Có khoản chi bị Kho bạc nhà nước từ chối thanh toán do chi sai định mức, tiêu chuẩn, chế độ.	-5												
2	Có khoản chi bị cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán phát hiện chi sai định mức, tiêu chuẩn, chế độ.	-5												
3	Có trường hợp khác bị phát hiện chi sai định mức, tiêu chuẩn, chế độ.	-5												

SỞ VĂN HÓA VÀ THỂ THAO
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

BẢNG THUYẾT MINH PHỤ LỤC 1

(Đính kèm theo Báo cáo số: 02/BC-SVHTT ngày 04/01/2023 của Sở Văn hóa và Thể thao)

STT	Nội dung/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Số dự toán	Số thực hiện	Tỷ lệ TH	Ghi chú
			1	2	$3=(1-2)/2$	
	Tổng cộng (A+B+C)	100				
A	Một số tiêu chí tiết kiệm trong chi thường xuyên (A=I+II)	70				
I	Kết quả tiết kiệm một số chỉ tiêu cụ thể	55				
1	Chi sách, báo, tạp chí	6	-	0	100%	
2	Chi cước phí thông tin liên lạc	6	62	39	59%	
3	Chi sử dụng điện	6	220	185	19%	
4	Chi xăng, dầu	6	135	78	73%	
5	Chi sử dụng nước	6	16	8	100%	
6	Chi tổ chức hội nghị, hội thảo, tọa đàm, họp	6	0	0	100%	
7	Chi tiếp khách, khánh tiết, lễ hội, lễ kỷ niệm	6	0	0	100%	
8	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản, trang thiết bị làm việc, phương tiện thông tin liên lạc	6	80	66	21%	
9	Chi thực hiện các nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao (bao gồm: kinh phí thực hiện các nhiệm vụ đột xuất được cấp có thẩm quyền giao; Kinh phí bố trí để thực hiện các nhiệm vụ đặc thù như: Kinh phí tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế được bố trí kinh phí riêng; kinh phí thực hiện các Đề án, Chương trình được cấp có thẩm quyền phê duyệt)	7	46,244	42,271	9%	
	1. Sự nghiệp đào tạo (070-085)		861	517	67%	
	2. Công nghệ thông tin (100-103)		13,743	12,065	14%	
	3. Sự nghiệp văn hóa (160-161)		15,427	13,684	13%	
	4. Sự nghiệp thể thao (220-221)		15,820	15,615	1%	
	5. Quản lý hành chính KTX (340-341)		271	268	1%	
	6. Kinh phí hành chính - Đảng (340-351)		122	122	0%	
II	Thực hiện khoán kinh phí sử dụng xe ô tô đối với các chức danh lãnh đạo có tiêu chuẩn sử dụng xe ô tô khi đi công tác theo quy định pháp luật của cấp có thẩm quyền (trường hợp đơn vị sử dụng ngân sách không có chức danh lãnh đạo có đủ tiêu chuẩn sử dụng xe ô tô thì được điểm tối đa tiêu chí này)					
	Đã thực hiện khoán					
	Chưa thực hiện khoán					
III	Kết quả thực hiện chỉ tiêu giảm biên chế theo kế hoạch, chỉ tiêu được cấp có thẩm quyền giao	15	15	15	100%	
	Thực hiện đúng kế hoạch, chỉ tiêu theo quy định	10	10	10		
	Không thực hiện đúng kế hoạch, chỉ tiêu theo quy định	0				

STT	Nội dung/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Số dự toán	Số thực hiện	Tỷ lệ TH	Ghi chú
B	Kết quả tiết kiệm kinh phí chi thường xuyên được giao thực hiện chế độ tự chủ đối với đơn vị sự nghiệp công lập (loại trừ số kinh phí đã thực hiện tiết kiệm để cải cách tiền lương)	30	2,633	4,856	49%	
1	Tiết kiệm dưới 5% so với dự toán kinh phí được giao	10				
2	TTiết kiệm trên 5% đến 9% so với dự toán kinh phí được giao	20				
3	Tiết kiệm trên 9% so với dự toán kinh phí được giao	30	7,213	4,856	49%	
C	Đánh giá việc thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ trong chi thường xuyên					
1	Có khoản chi bị Kho bạc nhà nước từ chối thanh toán do chi sai định mức, tiêu chuẩn, chế độ.	-5				
2	toán phát hiện chi sai định mức, tiêu chuẩn, chế độ.	-5				
3	Có trường hợp khác bị phát hiện chi sai định mức, tiêu chuẩn, chế độ.	-5				

KẾT QUẢ THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ
Kỳ báo cáo: năm 2023

(Đính kèm theo Báo cáo số: 02 /BC-SVHTT ngày 04/01/2023 của Sở Văn hóa và Thể thao)

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của năm trước	Kế hoạch của năm báo cáo	Kết quả năm báo cáo	So sánh với năm		Ghi chú
						So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
1	2	3	4	5	6	7=6/4 (%)	8=6/5(%)	9
I	Trong việc ban hành, thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ							
1	Số văn bản quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ mới được ban hành	văn bản	7	7	4			
2	Số văn bản quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ được sửa đổi, bổ sung	văn bản	7	1	1			
3	Số cuộc kiểm tra việc thực hiện các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ	cuộc	7	1	1			
4	Số vụ vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được phát hiện và xử lý	vụ	1					
5	Tổng giá trị các vi phạm về định mức, tiêu chuẩn, chế độ được kiến nghị thu hồi và bồi thường (nếu là ngoại tệ, tài sản thì quy đổi thành tiền Việt Nam đồng)	triệu đồng	65					
II	Trong lập, thẩm định, phê duyệt dự toán, quyết toán, quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước (NSNN)	triệu đồng						
1	Lập, thẩm định, phê duyệt, phân bổ dự toán NSNN	triệu đồng						
1.1	Dự toán lập sai chế độ, sai đối tượng, sai tiêu chuẩn, định mức	triệu đồng						
1.2	Số tiền tiết kiệm dự toán chi thường xuyên theo chỉ đạo, điều hành của Chính phủ	triệu đồng			10,808			

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của năm trước	Kế hoạch của năm báo cáo	Kết quả năm báo cáo	So sánh với năm		Ghi chú
						So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
1	2	3	4	5	6	7=6/4 (%)	8=6/5(%)	9
1.3	Số tiền vi phạm đã xử lý, cắt giảm dự toán	triệu đồng						
1.4	Các nội dung khác	triệu đồng						
2	Sử dụng và thanh quyết toán NSNN	triệu đồng	5,738	11,045	10,928			
2.1	Tiết kiệm chi quản lý hành chính, gồm:	triệu đồng	1,143	1,042	1,533			Số tiền tiết kiệm xác định trên cơ sở dự toán được duyệt; mức khoán chi được duyệt
	<i>Tiết kiệm văn phòng phẩm</i>	<i>triệu đồng</i>	<i>119</i>	<i>113</i>	<i>50</i>	<i>42.0%</i>	<i>44.2%</i>	
	<i>Tiết kiệm cước phí thông tin liên lạc</i>	<i>triệu đồng</i>	<i>91</i>	<i>82</i>	<i>159</i>	<i>174.7%</i>	<i>193.9%</i>	
	<i>Tiết kiệm sử dụng điện</i>	<i>triệu đồng</i>	<i>189</i>	<i>200</i>	<i>423</i>	<i>223.8%</i>	<i>211.5%</i>	
	<i>Tiết kiệm xăng, dầu</i>	<i>triệu đồng</i>	<i>174</i>	<i>170</i>	<i>206</i>	<i>118.4%</i>	<i>121.2%</i>	
	<i>Tiết kiệm nước sạch</i>	<i>triệu đồng</i>	<i>39</i>	<i>40</i>	<i>74</i>	<i>189.7%</i>	<i>185.0%</i>	
	<i>Tiết kiệm công tác phí</i>	<i>triệu đồng</i>	<i>97</i>	<i>87</i>	<i>185</i>	<i>190.7%</i>	<i>212.6%</i>	
	<i>Tiết kiệm trong tổ chức hội nghị, hội thảo</i>	<i>triệu đồng</i>	<i>98</i>	<i>5</i>	<i>8</i>	<i>8.2%</i>	<i>160.0%</i>	
	<i>Tiết kiệm chi tiếp khách, khánh tiết, lễ hội, kỷ niệm</i>	<i>triệu đồng</i>	<i>96</i>	<i>95</i>	<i>127</i>	<i>125.4%</i>	<i>100.0%</i>	
	<i>Tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa tài sản, trang thiết bị làm việc, phương tiện thông tin, liên lạc</i>	<i>triệu đồng</i>	<i>240</i>	<i>250</i>	<i>301</i>	<i>125.4%</i>	<i>120.4%</i>	
2.2	Tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa phương tiện đi lại (ô tô, mô tô, xe gắn máy)	triệu đồng	12	3	5	41.7%	166.7%	
a	Số tiền sửa chữa, mua mới phương tiện đi lại đã chi	triệu đồng	12	3	5	41.7%	166.7%	
b	Kinh phí tiết kiệm được, gồm:	triệu đồng						Tiết kiệm so với dự toán, định mức,
	<i>Thẩm định, phê duyệt dự toán</i>	<i>triệu đồng</i>						
	<i>Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh...</i>	<i>triệu đồng</i>						
	<i>Thương thảo hợp đồng</i>	<i>triệu đồng</i>						
	<i>Các nội dung khác</i>	<i>triệu đồng</i>						

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của năm trước	Kế hoạch của năm báo cáo	Kết quả năm báo cáo	So sánh với năm		Ghi chú
						So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
1	2	3	4	5	6	7=6/4 (%)	8=6/5(%)	9
2.3	Tiết kiệm do thực hiện cơ chế khoán chi, giao quyền tự chủ cho cơ quan, tổ chức	triệu đồng	4,583	10,000	9,390	204.9%	93.9%	tiêu chuẩn hoặc mức khoán chi được duyệt
2.4	Tiết kiệm kinh phí chương trình mục tiêu quốc gia	triệu đồng	0					
2.5	Tiết kiệm kinh phí nghiên cứu khoa học, công nghệ	triệu đồng						
2.6	Tiết kiệm kinh phí giáo dục và đào tạo	triệu đồng						
2.7	Tiết kiệm kinh phí y tế	triệu đồng						
3	Sử dụng, quyết toán NSNN lãng phí, sai chế độ	triệu đồng						
3.1	Tổng số cơ quan, tổ chức sử dụng NSNN	đơn vị						
3.2	Số lượng cơ quan, tổ chức sử dụng NSNN lãng phí, sai chế độ đã phát hiện được	đơn vị						
3.3	Số tiền vi phạm đã phát hiện	triệu đồng						
4	Các nội dung khác	triệu đồng						
III	Trong mua sắm, sử dụng phương tiện đi lại và phương tiện, thiết bị làm việc của cơ quan, tổ chức trong khu vực nhà nước	triệu đồng						
1	Phương tiện đi lại (ô tô, mô tô, xe gắn máy)							
1.1	Số lượng phương tiện hiện có đầu kỳ	chiếc	9		9	100.0%		
1.2	Số lượng phương tiện tăng thêm trong kỳ (mua mới, nhận điều chuyển)	chiếc	2					
1.3	Số lượng phương tiện giảm trong kỳ (thanh lý, điều chuyển)	chiếc	1		1			
1.4	Số lượng phương tiện cuối kỳ	chiếc	9		8			
1.5	Số lượng phương tiện sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	chiếc						
1.6	Số tiền xử lý vi phạm về sử dụng phương tiện đi lại	triệu đồng						

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của năm trước	Kế hoạch của năm báo cáo	Kết quả năm báo cáo	So sánh với năm		Ghi chú
						So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
1	2	3	4	5	6	7=6/4 (%)	8=6/5(%)	9
2	Tài sản khác							
2.1	Số lượng các tài sản khác được thanh lý, sắp xếp, điều chuyển, thu hồi	tài sản						
2.2	Số lượng tài sản trang bị, sử dụng sai mục đích, sai chế độ phát hiện được	tài sản						
2.3	Số tiền xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng tài sản	triệu đồng						
IV	Các nội dung khác	triệu đồng						
1	Trong đầu tư xây dựng, quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, nhà ở công vụ và công trình phúc lợi công cộng	triệu đồng						
1.1	Trong đầu tư xây dựng	triệu đồng						
1.2	Số lượng dự án chưa cần thiết đã cắt giảm	dự án						Tiết kiệm so với dự toán được phê duyệt
	Số kinh phí tiết kiệm được, gồm:	triệu đồng						
	- <i>Thẩm định, phê duyệt dự án, tổng dự toán</i>	<i>triệu đồng</i>						
	- <i>Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh...</i>	<i>triệu đồng</i>						
	- <i>Thực hiện đầu tư, thi công</i>	<i>triệu đồng</i>						
	- <i>Thẩm tra, phê duyệt quyết toán</i>	<i>triệu đồng</i>						
1.3	Số vốn chậm giải ngân so với kế hoạch	triệu đồng						
1.4	Các dự án thực hiện chậm tiến độ	dự án						
1.5	Các dự án hoàn thành không sử dụng được hoặc có vi phạm pháp luật bị đình chỉ, huỷ bỏ							
	<i>Số lượng</i>	<i>dự án</i>						
2	<i>Giá trị đầu tư phải thanh toán</i>	triệu đồng						
2	Trụ sở làm việc							

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của năm trước	Kế hoạch của năm báo cáo	Kết quả năm báo cáo	So sánh với năm		Ghi chú
						So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
1	2	3	4	5	6	7=6/4 (%)	8=6/5(%)	9
2.1	Tổng diện tích trụ sở hiện có đầu kỳ	m2						
2.2	Diện tích trụ sở tăng thêm do xây dựng, mua mới, nhận điều chuyển	m2						
2.3	Diện tích trụ sở giảm do thanh lý, điều chuyển, sắp xếp lại	m2						
2.4	Tổng diện tích trụ sở cuối kỳ	m2						
2.5	Diện tích trụ sở sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	m2						
2.6	Diện tích trụ sở sử dụng sai chế độ đã xử lý	m2						
2.7	Số tiền xử lý vi phạm, thanh lý trụ sở thu được	triệu đồng						
3	Nhà công vụ							
3.1	Tổng diện tích nhà công vụ hiện có đầu kỳ	m2						
3.2	Diện tích nhà công vụ tăng thêm do xây dựng, mua mới, nhận điều chuyển	m2						
3.3	Diện tích nhà công vụ giảm do thanh lý, điều chuyển, sắp xếp lại	m2						
3.4	Tổng diện tích nhà công vụ cuối kỳ	m2						
3.5	Diện tích nhà công vụ sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	m2						
3.6	Diện tích trụ sở sử dụng sai chế độ đã xử lý	m2						
3.7	Số tiền xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng nhà công vụ	triệu đồng						
4	Các nội dung khác							
V	Trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên							

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của năm trước	Kế hoạch của năm báo cáo	Kết quả năm báo cáo	So sánh với năm		Ghi chú
						So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
1	2	3	4	5	6	7=6/4 (%)	8=6/5(%)	9
1	Quản lý, sử dụng đất							
1.1	Diện tích đất sử dụng sai mục đích, bỏ hoang hoá, có vi phạm pháp luật	m2						
1.2	Diện tích đất sử dụng sai mục đích, vi phạm pháp luật, bỏ hoang hoá đã xử lý, thu hồi	m2						
1.3	Số tiền xử phạt, xử lý vi phạm thu được	triệu đồng						
1.4	Các nội dung khác							
2	Quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên khác							
2.1	Số lượng vụ việc vi phạm trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên	vụ						
2.2	Số tiền xử phạt, xử lý vi phạm thu được	triệu đồng						
3	Các dự án tái chế, tái sử dụng tài nguyên, sử dụng năng lượng tái tạo được							
3.1	Số lượng dự án mới hoàn thành đưa vào sử dụng	dự án						
3.2	Số tiền dự kiến tiết kiệm được theo dự án được duyệt	triệu đồng						
3.3	Năng lượng, tài nguyên dự kiến tiết kiệm được theo dự án được duyệt	triệu đồng						
4	Các nội dung khác	triệu đồng						
VI	Trong tổ chức bộ máy, quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động trong khu vực nhà nước							
1	Số lượng vụ việc vi phạm trong quản lý, sử dụng lao động, thời gian lao động	vụ						
2	Số tiền xử lý vi phạm thu được	triệu đồng						
3	Các nội dung khác	triệu đồng						
VII	Trong quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp							
1	Tiết kiệm chi phí, giá thành sản xuất kinh doanh	triệu đồng						

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của năm trước	Kế hoạch của năm báo cáo	Kết quả năm báo cáo	So sánh với năm		Ghi chú
						So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
1	2	3	4	5	6	7=6/4 (%)	8=6/5(%)	9
1.1	Tiết kiệm nguyên, vật liệu	triệu đồng						
1.2	Tiết kiệm nhiên liệu, năng lượng	triệu đồng						
	<i>Tiết kiệm điện</i>	Kw/h						
	<i>Tiết kiệm xăng, dầu</i>	lít						
1.3	Tiết kiệm chi phí quản lý	triệu đồng						
1.4	Tiết kiệm do áp dụng khoa học, công nghệ, sáng kiến, cải tiến kỹ thuật	triệu đồng						
1.5	Chi phí tiết giảm đã đăng ký	triệu đồng						
1.8	Chi phí tiết giảm đã thực hiện	triệu đồng						
2	Quản lý đầu tư xây dựng	triệu đồng						
2.1	Tổng số dự án đầu tư, xây dựng đang thực hiện	dự án						
2.2	Số lượng dự án thực hiện đúng tiến độ, có hiệu quả	dự án						
2.3	Chi phí đầu tư tiết kiệm được	triệu đồng						
	<i>Thẩm định, phê duyệt dự án, tổng dự toán</i>	<i>triệu đồng</i>						
	<i>Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh...</i>	<i>triệu đồng</i>						
	<i>Thực hiện đầu tư, thi công</i>	<i>triệu đồng</i>						
	<i>Thẩm tra, phê duyệt quyết toán</i>	<i>triệu đồng</i>						
2.4	Lãng phí, vi phạm, thất thoát vốn							
	<i>Số lượng dự án chậm tiến độ, có lãng phí, vi phạm pháp luật</i>	<i>dự án</i>						
	<i>Số tiền bị thất thoát, lãng phí, vi phạm pháp luật</i>	<i>triệu đồng</i>						
	Các nội dung khác	<i>triệu đồng</i>						
3	Sử dụng các nguồn kinh phí được cấp từ NSNN							
	<i>Số tiền tiết kiệm được</i>	triệu đồng						
	<i>Số tiền chậm giải ngân, quyết toán so với thời hạn được duyệt</i>	triệu đồng						

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của năm trước	Kế hoạch của năm báo cáo	Kết quả năm báo cáo	So sánh với năm		Ghi chú
						So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
1	2	3	4	5	6	7=6/4 (%)	8=6/5(%)	9
	<i>Số tiền sử dụng sai chế độ, lãng phí</i>	triệu đồng						
4	Mua sắm tài sản, phương tiện							
4.1	Mua sắm, trang bị xe ô tô con							
	<i>Số lượng xe đầu kỳ</i>	chiếc						
	<i>Số lượng xe tăng trong kỳ (mua mới)</i>	chiếc						
	<i>Số tiền mua mới xe ô tô trong kỳ</i>	triệu đồng						
	<i>Số lượng xe giảm trong kỳ (thanh lý, chuyển nhượng)</i>	chiếc						
	<i>Số tiền thu hồi do thanh lý, chuyển nhượng</i>	triệu đồng						
	<i>Số lượng xe cuối kỳ</i>	chiếc						
4.2	Trang bị xe ô tô con sai tiêu chuẩn, chế độ	chiếc						
	<i>Số lượng xe mua sắm, trang bị sai chế độ</i>	chiếc						
	<i>Số tiền mua xe trang bị sai chế độ</i>	triệu đồng						
5	Nợ phải thu khó đòi							
	Số đầu kỳ	triệu đồng						
	Số cuối kỳ	triệu đồng						
6	Vốn chủ sở hữu							
	Số đầu kỳ	triệu đồng						
	Số cuối kỳ	triệu đồng						
VIII	Trong hoạt động sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng của nhân dân							
1	Hộ gia đình thực hiện nếp sống văn hoá, THPT, CLP	Lượt hộ						
2	Các vụ việc gây lãng phí được phát hiện	Vụ						
IX	Kết quả công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, kiểm toán về THPT, CLP							
1	Tổng số cuộc thanh tra, kiểm tra về THPT,CLP đã triển khai thực hiện	cuộc	1	1	1	100.0%	100.0%	

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của năm trước	Kế hoạch của năm báo cáo	Kết quả năm báo cáo	So sánh với năm		Ghi chú
						So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
1	2	3	4	5	6	7=6/4 (%)	8=6/5(%)	9
2	Tổng số cuộc thanh tra, kiểm tra về THTK,CLP đã hoàn thành	cuộc	1	1	1	100.0%	100.0%	
3	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị được thanh tra, kiểm tra về THTK, CLP	cơ quan/ tổ chức/đơn vị	1	1	1	100.0%	100.0%	
4	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị có lãng phí, vi phạm về THTK,CLP được phát hiện	cơ quan/ tổ chức/đơn vị	1			0.0%	100.0%	
5	Tổng giá trị tiền, tài sản bị lãng phí, sử dụng sai chế độ phát hiện được qua thanh tra, kiểm tra, giám sát	triệu đồng	-					
6	Tổng giá trị tiền, tài sản lãng phí, vi phạm đã xử lý, thu hồi	triệu đồng	65	0		0.0%		

Phụ lục số 02*(Ban hành kèm theo Thông tư số 188/2014/TT-BTC ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***KẾT QUẢ THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ (VPS)****Kỳ báo cáo: 2023***(Đính kèm theo Báo cáo số: 02/BC-SVHTT ngày 04/01/2023 của Sở Văn hóa và Thể thao)*

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của năm trước	Kế hoạch của năm báo cáo	Kết quả năm báo cáo	So sánh với năm		Ghi chú
						So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
1	2	3	4	5	6	7=6/4 (%)	8=6/5(%)	9
I	Trong việc ban hành, thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ							
1	Số văn bản quy định tiêu chuẩn, định mức mới được ban hành	văn bản	2	1	1			
2	Số văn bản quy định tiêu chuẩn, định mức được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp	văn bản	2	1	1			
3	Số cuộc kiểm tra việc thực hiện các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn	cuộc	1	1	1			
4	Số vụ vi phạm các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã được phát hiện và xử lý	vụ	1					
5	Tổng giá trị các vi phạm về chế độ, định mức, tiêu chuẩn được kiến nghị thu hồi và bồi thường (nếu là ngoại tệ, tài sản thì quy đổi thành tiền)	triệu đồng	65					
II	Trong lập, thẩm định, phê duyệt dự toán, quyết toán, quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước (NSNN)							
1	Lập, thẩm định, phê duyệt, phân bổ dự toán NSNN							
1.1	Dự toán lập sai chế độ, sai đối tượng, sai tiêu chuẩn, định mức	triệu đồng						
1.2	Số tiền tiết kiệm dự toán chi thường xuyên theo chỉ đạo, điều hành của Chính phủ	triệu đồng			7,103			
1.3	Số tiền vi phạm đã xử lý, cắt giảm dự toán	triệu đồng						
1.4	Các nội dung khác							

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của năm trước	Kế hoạch của năm báo cáo	Kết quả năm báo cáo	So sánh với năm		Ghi chú
						So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
1	2	3	4	5	6	7=6/4 (%)	8=6/5(%)	9
2	Sử dụng và thanh quyết toán NSNN							
2.1	Tiết kiệm chi quản lý hành chính, gồm:	triệu đồng	172	138	162			Số tiền tiết kiệm xác định trên cơ sở dự toán được duyệt; mức khoán chi được duyệt
	<i>Tiết kiệm văn phòng phẩm</i>	<i>triệu đồng</i>	5	5	5	100.0%	100.0%	
	<i>Tiết kiệm cước phí thông tin liên lạc</i>	<i>triệu đồng</i>	22	20	23	104.5%	115.0%	
	<i>Tiết kiệm sử dụng điện</i>	<i>triệu đồng</i>	35	35	35	100.0%	100.0%	
	<i>Tiết kiệm xăng, dầu</i>	<i>triệu đồng</i>	57	40	57	100.0%	142.5%	
	<i>Tiết kiệm nước sạch</i>	<i>triệu đồng</i>	8	6	8	100.0%	133.3%	
	<i>Tiết kiệm công tác phí</i>	<i>triệu đồng</i>	20	20	20	100.0%	100.0%	
	<i>Tiết kiệm trong tổ chức hội nghị, hội thảo</i>	<i>triệu đồng</i>	3	0	0	100.0%	100.0%	
	<i>Tiết kiệm chi tiếp khách, khánh tiết, lễ hội, kỷ niệm, khác</i>	<i>triệu đồng</i>	0	0	0	100.0%	100.0%	
	<i>Tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa tài sản, trang thiết bị làm việc, phương tiện thông tin, lạc:</i>	<i>triệu đồng</i>	22	12	14	63.6%	116.7%	
2.2	Tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa phương tiện đi lại (ô tô, mô tô, xe gắn máy)		5	20	5	100.0%	25.0%	Tiết kiệm so với dự toán, định mức, tiêu chuẩn hoặc mức
a	Số tiền sửa chữa, mua mới phương tiện đi lại đã chi	triệu đồng	5	20	5	100.0%	25.0%	
b	Kinh phí tiết kiệm được gồm:							
	<i>Thẩm định, phê duyệt dự toán</i>	<i>triệu đồng</i>						
	<i>Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh...</i>	<i>triệu đồng</i>						
	<i>Thương thảo hợp đồng</i>	<i>triệu đồng</i>						
	<i>Các nội dung khác</i>	<i>triệu đồng</i>						
2.3	Tiết kiệm do thực hiện cơ chế khoán chi, giao quyền tự chủ cho cơ quan, tổ chức	triệu đồng	962	1,500	2,357	245.0%	157.1%	

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của năm trước	Kế hoạch của năm báo cáo	Kết quả năm báo cáo	So sánh với năm		Ghi chú
						So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
1	2	3	4	5	6	7=6/4 (%)	8=6/5(%)	9
2.4	Tiết kiệm kinh phí chương trình mục tiêu quốc gia; chương trình, đề án của tỉnh	triệu đồng						khoản chi được duyệt
2.5	Tiết kiệm kinh phí nghiên cứu khoa học, công nghệ	triệu đồng						
2.6	Tiết kiệm kinh phí giáo dục và đào tạo	triệu đồng						
2.7	Tiết kiệm kinh phí y tế	triệu đồng						
3	Sử dụng, quyết toán NSNN lãng phí, sai chế độ							
3.1	Tổng số cơ quan, tổ chức sử dụng NSNN	đơn vị						
3.2	Số lượng cơ quan, tổ chức sử dụng NSNN lãng phí, sai chế độ đã phát hiện được	đơn vị						
3.3	Số tiền vi phạm đã phát hiện	triệu đồng						
4	Các nội dung khác	triệu đồng						
III	Trong mua sắm, sử dụng phương tiện đi lại và phương tiện, thiết bị làm việc của cơ quan, tổ chức trong khu vực nhà nước							
1	Phương tiện đi lại (ô tô, mô tô, xe gắn máy)							
1.1	Số lượng phương tiện hiện có đầu kỳ	chiếc						
	Xe ô tô	chiếc	1					
	Xe gắn máy	chiếc						
1.2	Số lượng phương tiện tăng thêm trong kỳ (mua mới, nhận điều chuyển)	chiếc						
1.3	Số lượng phương tiện giảm trong kỳ (thanh lý, điều chuyển)	chiếc			1			
1.4	Số lượng phương tiện sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	chiếc						
1.5	Số tiền xử lý vi phạm về sử dụng phương tiện đi lại	triệu đồng						
2	Tài sản khác							
2.1	Số lượng các tài sản khác được thanh lý, sắp xếp, điều chuyển, thu hồi	tài sản						

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của năm trước	Kế hoạch của năm báo cáo	Kết quả năm báo cáo	So sánh với năm		Ghi chú
						So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
1	2	3	4	5	6	7=6/4 (%)	8=6/5(%)	9
2.2	Số lượng tài sản trang bị, sử dụng sai mục đích, sai chế độ phát hiện được							
2.3	Số tiền xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng tài sản							
IV	Trong đầu tư xây dựng; quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, nhà ở công vụ và công trình phúc lợi công cộng							
1	Trong đầu tư xây dựng							
1.1	Số lượng dự án chưa cần thiết đã cắt giảm	dự án						
1.2	Số kinh phí tiết kiệm được, gồm:	triệu đồng						Tiết kiệm so với dự toán được phê duyệt
	- <i>Thẩm định, phê duyệt dự án, tổng dự toán</i>	triệu đồng						
	- <i>Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh...</i>	triệu đồng						
	- <i>Thực hiện đầu tư, thi công</i>	triệu đồng						
	- <i>Thẩm tra, phê duyệt quyết toán</i>	triệu đồng						
1.3	Số vốn chậm giải ngân so với kế hoạch	triệu đồng						
1.4	Các dự án thực hiện chậm tiến độ	dự án						
1.5	Các dự án hoàn thành không sử dụng được hoặc có vi phạm pháp luật bị đình chỉ, huỷ bỏ							
	<i>Số lượng</i>	<i>dự án</i>						
	<i>Giá trị đầu tư phải thanh toán</i>	<i>triệu đồng</i>						
2	Trụ sở làm việc							
2.1	Tổng diện tích trụ sở hiện có đầu kỳ	m2						
2.2	Diện tích trụ sở tăng thêm do xây dựng, mua mới, nhận điều chuyển	m2						
2.3	Diện tích trụ sở giảm do thanh lý, điều chuyển, sắp xếp lại	m2						
2.4	Diện tích trụ sở sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	m2						
2.5	Diện tích trụ sở sử dụng sai chế độ đã xử lý	m2						

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của năm trước	Kế hoạch của năm báo cáo	Kết quả năm báo cáo	So sánh với năm		Ghi chú
						So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
1	2	3	4	5	6	7=6/4 (%)	8=6/5(%)	9
2.6	Số tiền xử lý vi phạm, thanh lý trụ sở thu được	triệu đồng						
3	Nhà công vụ							
3.1	Tổng diện tích nhà công vụ hiện có đầu kỳ	m2						
3.2	Diện tích nhà công vụ tăng thêm do xây dựng, mua mới, nhận điều chuyển	m2						
3.3	Diện tích nhà công vụ giảm do thanh lý, điều chuyển, sắp xếp lại	m2						
3.4	Diện tích nhà công vụ sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	m2						
3.5	Diện tích trụ sở sử dụng sai chế độ đã xử lý	m2						
3.6	Số tiền xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng nhà công vụ	triệu đồng						
4	Các nội dung khác							
V	Trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên							
1	Quản lý, sử dụng đất							
1.1	Diện tích đất sử dụng sai mục đích, bỏ hoang hoá, có vi phạm pháp luật	m2						
1.2	Diện tích đất sử dụng sai mục đích, vi phạm pháp luật, bỏ hoang hoá đã xử lý, thu hồi	m2						
1.3	Số tiền xử phạt, xử lý vi phạm thu được	triệu đồng						
1.4	Các nội dung khác							
2	Quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên khác							
2.1	Số lượng vụ việc vi phạm trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên	vụ						
2.2	Số tiền xử phạt, xử lý vi phạm thu được	triệu đồng						

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của năm trước	Kế hoạch của năm báo cáo	Kết quả năm báo cáo	So sánh với năm		Ghi chú
						So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
1	2	3	4	5	6	7=6/4 (%)	8=6/5(%)	9
3	Các dự án tái chế, tái sử dụng tài nguyên, sử dụng năng lượng tái tạo được							
3.1	Số lượng dự án mới hoàn thành đưa vào sử dụng	dự án						
3.2	Số tiền dự kiến tiết kiệm được theo dự án được duyệt	triệu đồng						
3.3	Năng lượng, tài nguyên dự kiến tiết kiệm được theo dự án được duyệt							
4	Các nội dung khác							
VI	Trong tổ chức bộ máy, quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động trong khu vực nhà nước							
1	Số lượng vụ việc vi phạm trong quản lý, sử dụng lao động, thời gian lao động	vụ						
2	Số tiền xử lý vi phạm thu được	triệu đồng						
3	Các nội dung khác							
VII	Trong quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp							
1	Tiết kiệm chi phí, giá thành sản xuất kinh doanh							
1.1	Tiết kiệm nguyên, vật liệu	triệu đồng						
1.2	Tiết kiệm nhiên liệu, năng lượng	triệu đồng						
	<i>Tiết kiệm điện</i>	<i>Kw/h</i>						
	<i>Tiết kiệm xăng, dầu</i>	<i>lít</i>						
1.3	Tiết kiệm chi phí quản lý	triệu đồng						
1.4	Tiết kiệm do áp dụng khoa học, công nghệ, sáng kiến, cải tiến kỹ thuật	triệu đồng						
1.5	Chi phí tiết giảm đã đăng ký	triệu đồng						
1.6	Chi phí tiết giảm đã thực hiện	triệu đồng						
2	Quản lý đầu tư xây dựng							
2.1	Tổng số dự án đầu tư, xây dựng đang thực hiện	dự án						
2.2	Số lượng dự án thực hiện đúng tiến độ, có hiệu quả	dự án						

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của năm trước	Kế hoạch của năm báo cáo	Kết quả năm báo cáo	So sánh với năm		Ghi chú
						So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
1	2	3	4	5	6	7=6/4 (%)	8=6/5(%)	9
	Chi phí đầu tư tiết kiệm được							
	Thẩm định, phê duyệt dự án, tổng dự toán	triệu đồng						
	Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh...	triệu đồng						
	Thực hiện đầu tư, thi công	triệu đồng						
	Thẩm tra, phê duyệt quyết toán	triệu đồng						
2.4	Lãng phí, vi phạm, thất thoát vốn							
	Số lượng dự án chậm tiến độ, có lãng phí, vi phạm pháp luật	dự án						
	Số tiền bị thất thoát, lãng phí, vi phạm pháp luật	triệu đồng						
2.5	Các nội dung khác							
3	Sử dụng các nguồn kinh phí được cấp từ NSNN							
	Số tiền tiết kiệm được	triệu đồng						
	Số tiền chậm giải ngân, quyết toán so với thời hạn được duyệt	triệu đồng						
	Số tiền sử dụng sai chế độ, lãng phí	triệu đồng						
4	Mua sắm tài sản, phương tiện							
4.1	Mua sắm, trang bị phương tiện đi lại (xe ô tô, mô tô, gắn máy)							
	Số lượng xe đầu kỳ	chiếc						
	Số lượng xe tăng trong kỳ (mua mới)	chiếc						
	Số tiền mua mới xe ô tô trong kỳ	triệu đồng						
	Số lượng xe giảm trong kỳ (thanh lý, chuyển nhượng)	chiếc						
	Số tiền thu hồi do thanh lý, chuyển nhượng	triệu đồng						
4.2	Trang bị xe ô tô con sai tiêu chuẩn, chế độ	chiếc						
	Số lượng xe mua sắm, trang bị sai chế độ	chiếc						
	Số tiền mua xe trang bị sai chế độ	triệu đồng						

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của năm trước	Kế hoạch của năm báo cáo	Kết quả năm báo cáo	So sánh với năm		Ghi chú
						So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
1	2	3	4	5	6	7=6/4 (%)	8=6/5(%)	9
5	Nợ phải thu khó đòi							
	Số đầu kỳ	triệu đồng						
	Số cuối kỳ	triệu đồng						
6	Vốn chủ sở hữu (MS 410-BCĐKT)							
	Số đầu năm	triệu đồng						
	Số cuối kỳ	triệu đồng						
VIII	THTK, CLP trong hoạt động sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng của nhân dân							
1	Hộ gia đình thực hiện nếp sống văn hoá, THTK, CLP	Lượt hộ						
2	Các vụ việc gây lãng phí được phát hiện	Vụ						
IX	Kết quả công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, kiểm toán về THTK, CLP							
1	Tổng số cuộc thanh tra, kiểm tra về THTK, CLP đã triển khai thực hiện	cuộc	1	1	1			
2	Tổng số cuộc thanh tra, kiểm tra về THTK, CLP đã hoàn thành	cuộc	1	1	1			
3	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị được thanh tra, kiểm tra về THTK, CLP	cơ quan/tổ chức/đơn vị	1	1	1			
4	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị có lãng phí, vi phạm về THTK, CLP được phát hiện	cơ quan/tổ chức/đơn vị	1					
5	Tổng giá trị tiền, tài sản bị lãng phí, sử dụng sai chế độ phát hiện được qua thanh tra, kiểm tra, giám sát	triệu đồng	51					
6	Tổng giá trị tiền, tài sản lãng phí, vi phạm đã xử lý, thu hồi	triệu đồng	65					

**BẢNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG
LÃNG PHÍ TRONG CHI THƯỜNG XUYÊN NĂM 2023**

STT	Nội dung/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm được đánh giá
	Tổng cộng (A+B+C)	100	100	
A.	Một số tiêu chí tiết kiệm trong chi thường xuyên (A=I+II+III)	70	70	
I	Kết quả tiết kiệm một số chi tiêu cụ thể	55	55	
1	Chi sách, báo, tạp chí	6	6	
2	Chi cước phí thông tin liên lạc	6	6	
3	Chi sử dụng điện	6	6	
4	Chi xăng, dầu	6	6	
5	Chi sử dụng nước	6	6	
6	Chi tổ chức hội nghị, hội thảo, tọa đàm, họp	6	6	
7	Chi tiếp khách, khánh tiết, lễ hội, lễ kỷ niệm	6	6	
8	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản, trang thiết bị làm việc, phương tiện thông tin liên lạc	6	6	
9	Chi thực hiện các nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao (bao gồm: kinh phí thực hiện các nhiệm vụ đột xuất được cấp có thẩm quyền giao; Kinh phí bố trí để thực hiện các nhiệm vụ đặc thù như: Kinh phí tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế được bố trí kinh phí riêng; kinh phí thực hiện các Đề án, Chương trình được cấp có thẩm quyền phê duyệt)	7	7	
II	Thực hiện khoán kinh phí sử dụng xe ô tô đối với các chức danh lãnh đạo có tiêu chuẩn sử dụng xe ô tô khi đi công tác theo quy định pháp luật của cấp có thẩm quyền (trường hợp đơn vị sử dụng ngân sách không có chức danh lãnh đạo có đủ tiêu chuẩn sử dụng xe ô tô thì được điểm tối đa tiêu chí này)	5	5	
	Đã thực hiện khoán	5	5	
	Chưa thực hiện khoán	0		
III	Kết quả thực hiện chỉ tiêu giảm biên chế theo kế hoạch, chỉ tiêu được cấp có thẩm quyền giao	10	10	
	Thực hiện đúng kế hoạch, chỉ tiêu theo quy định	10	10	
	Không thực hiện đúng kế hoạch, chỉ tiêu theo quy định	0		

B.	Kết quả tiết kiệm tổng kinh phí quản lý hành chính giao để thực hiện chế độ tự chủ đối với đơn vị dự toán (loại trừ số kinh phí đã thực hiện tiết kiệm để cải cách tiền lương)	30	30	
1	Tiết kiệm dưới 5% so với dự toán kinh phí được giao	10		
2	Tiết kiệm trên 5% đến 9% so với dự toán kinh phí được giao	20		
3	Tiết kiệm trên 9% so với dự toán kinh phí được giao ($(7.213 - (7.213 - 4.620) / 4.620 = 56\% - 2.593)$)	30	30	
C.	Đánh giá việc thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ trong chi thường xuyên			
1	Có khoản chi bị Kho bạc nhà nước từ chối thanh toán do chi sai định mức, tiêu chuẩn, chế độ.	-5		
2	Có khoản chi bị cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán phát hiện chi sai định mức, tiêu chuẩn, chế độ.	-5		
3	Có trường hợp khác bị phát hiện chi sai định mức, tiêu chuẩn, chế độ.	-5		

Bà Rịa, ngày 28 tháng 12 năm 2023

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

Nguyễn Đình Trung

BẢNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ TRONG CHI THUỜNG XUYỀN NĂM 2023

STT	Nội dung/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm được đánh giá
	Tổng cộng (A+B+C)	100	100	
A	Kết quả tiết kiệm dự toán chi thường xuyên (loại trừ số kinh phí đã thực hiện tiết kiệm để cải cách tiền lương)	30	30	
1	Tiết kiệm dưới 5% so với dự toán kinh phí được giao	10		
2	Tiết kiệm trên 5% đến 9% so với dự toán kinh phí được giao	20		
3	Tiết kiệm trên 9% so với dự toán kinh phí được giao	30	30	
	- Văn phòng Sở Văn hóa và Thể thao: $(7.213 - 4.856 / 4.856 * 100\% = 49\% - 2.257)$			
	- Thư viện tỉnh: $(5.167 - 3.284 / 3.284 * 100\% = 57\% - 1.883)$			
	- Bảo tàng tỉnh: $(4.923 - 3.950 / 3.50 * 100\% = 25\% - 988)$			
	- Trung tâm bảo tồn di tích quốc gia Côn Đảo: $(12.169 - 10.969 / 10.969 * 100\% = 11\% - 1.200)$			
	- Nhà hát tỉnh: $(5.585 - 4.585 / 4.585 * 100\% = 22\% - 1.000)$			
	- Trung tâm Văn hóa tỉnh: $(5.036 - 3.770 / 3.770 * 100\% = 34\% - 1.266)$			
	- Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu TDTT tỉnh: $(4.267 - 3.571 / 3.571 * 100\% = 19\% - 696)$			
B.	Kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong chi thường xuyên của đơn vị dự toán ngân sách cấp dưới trực tiếp	50	50	
1	Trên 80% số đơn vị dự toán ngân sách cấp dưới trực tiếp đạt 80 điểm trở lên	50	50	
2	Từ 50% đến 80% số đơn vị dự toán ngân sách cấp dưới trực tiếp đạt 80 điểm trở lên	45		
3	Từ 20% đến dưới 50% đơn vị dự toán ngân sách cấp dưới trực tiếp đạt 80 điểm trở lên	40		
4	Dưới 20% đơn vị dự toán ngân sách cấp dưới trực tiếp đạt 80 điểm trở lên	35		
C	Hoạt động tuyên truyền, phổ biến, kiểm tra, thanh tra thực hành tiết kiệm, chống lãng phí	20	20	
I	Tuyên truyền, phổ biến về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí	10	10	
1	Xây dựng kế hoạch tuyên truyền, phổ biến trong thực hành tiết kiệm, chống lãng phí	5	5	
2	Mức độ thực hiện kế hoạch tuyên truyền, phổ biến trong	5	5	

	thực hành tiết kiệm, chống lãng phí			
II	Hoạt động kiểm tra, thanh tra thực hành tiết kiệm, chống lãng phí đối với các đơn vị trực thuộc	10	10	
1	Ban hành kế hoạch kiểm tra, thanh tra thực hành tiết kiệm, chống lãng phí	4	4	
2	Mức độ thực hiện kế hoạch kiểm tra, thanh tra.	6	6	

Bà Rịa, ngày 04 tháng 01 năm 2024

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
GIÁM ĐỐC

Nguyễn Đình Trung